

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## E-HỒ SƠ MỜI THẦU



Tên gói thầu: Gói thầu số 28: Cung cấp dịch vụ trung tu hệ thống khớp nối thủy lực bơm nước cấp tổ máy số 1 NMTĐ Vũng Áng 1 năm 2026

Phát hành ngày: 22/12/2025

Ban hành kèm theo Quyết định: 904/QĐ-TSC ngày 22/12/2025

Chủ đầu tư: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật

KT GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Đức Nghĩa

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu
E- HSDT	Hồ sơ dự thầu
PV Power Ha Tinh	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh

## MÔ TẢ TÓM TẮT

### Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

#### Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

#### Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này được cố định theo định dạng tệp tin PDF/Word và đăng tải trên Hệ thống

#### Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT, cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT);
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm);
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)) là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

#### Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Chương này được cố định theo định dạng tệp tin PDF/Word và đăng tải trên Hệ thống.

### Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

#### Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

### Phần 3. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

**Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU****Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

<b>1. Phạm vi gói thầu</b>	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại <b>E-BDL</b> phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<b>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng</b>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSĐT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
<b>3. Nguồn vốn</b>	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại <b>E-BDL</b> .
<b>4. Hành vi bị cấm</b>	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSĐT hoặc rút E-HSĐT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSĐT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p>

b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:

a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá E-HSĐT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán,

thiết kế; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong E-HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;

	<p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p><b>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</b></p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c và d Mục 5.1 E-CDNT.</p>
<p><b>6. Nội dung của E-HSMT</b></p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p>

	<p><b>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;</li><li>- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;</li><li>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT;</li><li>- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.</li></ul> <p><b>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.</li></ul> <p><b>Phần 3. Biểu mẫu hợp đồng.</b></p> <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p><b>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</b></p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSMT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó</p>

	<p>mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại <b>E-BDL</b>. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p>
<p><b>8. Chi phí dự thầu</b></p>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại <b>E-BDL</b>. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>

<b>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</b>	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT (Catalog, tài liệu liên quan..) có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
<b>10. Thành phần của E-HSDT</b>	E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau: 10.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; 10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh); 10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT; 10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT; 10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT; 10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT; 10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có); 10.8. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.
<b>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</b>	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được quy định tại E-HSMT để hoàn thành E-HSDT.
<b>12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT</b>	12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại <b>E-BDL</b> về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét. 12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để tổ chuyên gia có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc

	đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.
<b>13. Giá dự thầu và giảm giá</b>	<p>13.1 Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV vào đơn dự thầu.</p> <p>b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được Chủ đầu tư thanh toán riêng, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ.</p> <p>c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV.</p> <p>13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).</p> <p>b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần.</p>

	<p>13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp hồ sơ dự thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại Quyết định số 858/QĐ-ĐLTK ngày 25/9/2025 và Quyết định số 441/QĐ-ĐLTK ngày 05/6/2023 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.</p> <p>13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất GTGT 8%, các loại thuế suất có liên quan và mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại. Nhà thầu ghi rõ thuế suất thuế GTGT trong Bảng giá dự thầu là thuế suất thuế GTGT 8%.</p>
<p><b>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</b></p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p><b>15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật</b></p>	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSMT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>
<p><b>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</b></p>	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSMT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSMT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>

<p><b>17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</b></p>	<p>17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Chủ đầu tư. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu.</p>
<p><b>18. Bảo đảm dự thầu</b></p>	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được</p>

hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **E-BDL**. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định tại E-BDL. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư:

a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.

	<p>18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Chủ đầu tư được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;</p> <p>b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự.</p> <p>Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.</p>
<p><b>19. Thời điểm đóng thầu</b></p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p><b>20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</b></p>	<p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời</p>

	<p>gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p><b>21. Mở thầu</b></p>	<p>21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở E-HSDXKT và công khai biên bản mở E-HSDXKT trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại Quyết định số 441/QĐ-ĐLTK ngày 05/6/2023; trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Quyết định số 441/QĐ-ĐLTK ngày 05/6/2023.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Tên Chủ đầu tư;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời điểm hoàn thành mở thầu;</li> <li>- Tổng số nhà thầu tham dự.</li> </ul> <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);</li> <li>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);</li> <li>- Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu;</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của E-HSDT;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> <li>- Các thông tin liên quan khác (nếu có).</li> </ul>

	c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.
<b>22. Bảo mật</b>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<b>23. Làm rõ E-HSDT</b>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p>

	<p>23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, máy móc, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p>
<p><b>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</b></p>	<p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
<p><b>25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT</b></p>	<p>25.1. Tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT .</p> <p>25.3. Tổ chuyên gia phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT nhằm khẳng</p>

	<p>định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
<p><b>26. Sai sót không nghiêm trọng</b></p>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư.</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
<p><b>27. Nhà thầu phụ</b></p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại <b>E-BDL</b>. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên</p>

	<p>liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc của gói thầu.</p> <p>27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>27.6. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: lập, thẩm tra thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển (nếu có), kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.</p>
<p><b>28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>28.1 Nguyên tắc ưu đãi:</p> <p>a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính.</p> <p>b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng.</p>

c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu.

28.2. Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi theo quy định tại **E-BDL**.

28.3. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:

a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);

b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá.

c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;

d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;

đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn ;

e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn ;

g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).

h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá

	<p>nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).</p> <p>28.4. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 28.2 và Mục 28.3 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p> <p>28.5. Nhà thầu phải kê khai về dịch vụ được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 12 Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì dịch vụ của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.6. Trường hợp dịch vụ do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p> <p>28.7. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu cung cấp không phải đáp ứng điều kiện về bảo đảm cạnh tranh trong nội dung đánh giá về tư cách hợp lệ và yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu để chứng minh dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.8. Các ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.</p>
<p><b>29. Đánh giá E-HSDT</b></p>	<p>29.1. Tổ chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, Tổ chuyên gia đánh giá E-HSDT (áp dụng đối với phương pháp “Giá đánh giá” và “Giá thấp nhất”) như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư cách hợp lệ của nhà thầu;</li> <li>+ Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.</li> </ul> </li> </ul> <p>Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không</p>

trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.

- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.

b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:

- Tổ chuyên gia đánh giá các nội dung: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hàng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT.

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, trường hợp E-HSMT có yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên E-HSDT và tài liệu đính kèm để đánh giá;

- Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu;

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.

d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.

đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại **E-BDL**. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.

e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.

**29.5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT:**

- a) Đối với các nội dung: Tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ thì tổ chuyên gia đánh giá là “không đạt”. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;
- b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai theo hồ sơ dự thầu và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;
- c) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự kê khai theo bảng tổng hợp tại E -HSDT và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự kê khai theo biểu mẫu tại E – HSDT. Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại;
- d) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (bao gồm cả trường hợp nhân sự, thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm

	<p>việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận.</p> <p>Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>đ) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, c và d khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai tại mẫu biểu hồ sơ dự thầu và file đính kèm thì thông tin trên kê khai theo mẫu biểu hồ sơ dự thầu là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p> <p>e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.</p>
<p><b>30. Đối chiếu tài liệu và thương thảo</b></p>	<p>30.1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư<sup>1</sup> tổ chức đối chiếu</p>

<b>hợp đồng</b>	<p>tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSĐT, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT;</li><li>b) Tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử.</li><li>c) Tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV phù hợp với số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử;</li><li>d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSĐT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...);</li><li>đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự chủ chốt (nếu có), thiết bị chủ yếu (nếu có): bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT;</li><li>e) Tài liệu khác (nếu có).</li></ul> <p>30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, số liệu về tài chính từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự kê khai không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.</p> <p>30.3. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</p> <p>30.4. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.</p> <p>30.5 Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a) Báo cáo đánh giá E HSĐT;</li><li>b) E-HSĐT và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSĐT (nếu có) của nhà thầu;</li><li>c) E-HSMT và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT .</li></ul>
-----------------	---

**30.6 Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:**

- a) Không thương thảo đối với các nội dung nhà thầu chào đúng theo yêu cầu của E-HSMT.
- b) Không được làm thay đổi đơn giá đã xác định tại bước đánh giá về tài chính, trừ trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật.

**30.7 Nội dung thương thảo hợp đồng:**

- a) Những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- b) Các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu nếu trong E-HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế theo Mục 12.1 E-CDNT;
- c) Thương thảo về nhân sự chủ chốt:

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự đã được thay thế một lần, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu;

d) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

đ) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 26 E-CDNT;

e) Trong quá trình thương thảo phải xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế bao gồm: thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế. Thuế suất, giá trị thuế nhà thầu phải nộp phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;

	<p>g) Thương thảo về giá trong trường hợp giá đề nghị trúng thầu vượt giá gói thầu được duyệt đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu theo quy định;</p> <p>h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p>
<p><b>31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</b></p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>31.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Chủ đầu tư cần yêu cầu Nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu.</p> <p>31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III.</p> <p>31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III.</p> <p>31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p>
<p><b>32. Hủy thầu</b></p>	<p>32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước và các trường hợp bất khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>đ) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật Đấu thầu.</p>

	<p>32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c và d Mục 32.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 9 Điều 14 của Luật Đấu thầu.</p>
<p><b>33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);</li> <li>- Tên Chủ đầu tư;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu.</li> </ul> <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã số thuế;</li> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);</li> <li>- Điểm kỹ thuật (nếu có);</li> <li>- Giá đánh giá (nếu có);</li> <li>- Giá trúng thầu;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> <li>- Thời gian thực hiện hợp đồng.</li> </ul> <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>33.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc</p>

	<p>gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p><b>34. Thay đổi khối lượng dịch vụ</b></p>	<p>34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại <b>E-BDL</b> và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>34.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại <b>E-BDL</b> và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký kết và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<p><b>35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</b></p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 13 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu.</p>
<p><b>36. Điều kiện ký kết hợp đồng</b></p>	<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.</p>

	36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.
<b>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b>	<p>37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 E-ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</p> <p>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</p> <p>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>
<b>38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</b>	<p>38.1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu</p> <p>a) Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>b) Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>38.2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu hoặc hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu, việc giải quyết kiến nghị thực hiện theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>

**Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU**

<b>E-CDNT 1.1</b>	Tên Chủ đầu tư: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN- TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT
<b>E-CDNT 1.2</b>	Tên gói thầu: Gói thầu số 28: Cung cấp dịch vụ trung tu hệ thống khớp nối thủy lực bơm nước cấp tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2026
<b>E-CDNT 3</b>	<p>Nguồn vốn: Vốn SXKD Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP</p> <p>Việc tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Quyết định số 858/QĐ-ĐLTK ngày 25/9/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt ban hành Quy chế quản lý hoạt động mua sắm hàng hóa, dịch vụ và bảo trì công trình xây dựng phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.</li><li>- Quyết định số 441/QĐ-ĐLTK ngày 05/6/2023 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc phê duyệt và ban hành Quy định mua sắm hàng hoá và dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.</li></ul>
<b>E-CDNT 5.1</b> <b>(c)</b>	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Tư vấn lập thiết kế;</li><li>+ Tư vấn thẩm định giá;</li><li>+ Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định;</li><li>+ Tư vấn lập E-HSMT;</li><li>+ Tư vấn thẩm định E-HSMT;</li><li>+ Tư vấn đánh giá E-HSDT;</li><li>+ Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.</li></ul></li></ul>

<b>E-CDNT 7.5</b>	Hội nghị tiền đấu thầu: Không áp dụng
<b>E-CDNT 8</b>	Chi phí nộp E-HSDT: <i>Theo quy định của Hệ thống.</i>
<b>E-CDNT 10.8</b>	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Giấy đăng ký kinh doanh, Báo cáo tài chính, Hợp đồng tương tự, đề xuất kỹ thuật,... các tài liệu khác theo yêu cầu E-HSMT.
<b>E-CDNT 12.1</b>	Nhà thầu: “Không được phép” nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
<b>E-CDNT 17.1</b>	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: $\geq 90$ ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
<b>E-CDNT 18.2</b>	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị bảo đảm dự thầu: 117.000.000 VNĐ. Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP như nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này. - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: $\geq 120$ ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
<b>E-CDNT 18.4</b>	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
<b>E-CDNT 27.2</b>	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 50 % giá dự thầu của nhà thầu.
<b>E-CDNT 28.2</b>	Cách tính ưu đãi: __ Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh

	<p>nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi như sau:</p> <p>“Nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu đó để so sánh, xếp hạng”;</p>
<b>E-CDNT 28.8</b>	Các ưu đãi khác (nếu có): <i>Không có.</i>
<b>E-CDNT 29.1</b>	<p>Phương pháp đánh giá E-HSDT là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt.</li> <li>- Đánh giá về kỹ thuật: “Đạt/Không đạt”</li> <li>- Đánh giá về tài chính: <i>phương pháp giá thấp nhất</i></li> </ul>
<b>E-CDNT 29.3 (đ)</b>	Xếp hạng nhà thầu: “Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất”;
<b>E-CDNT 31.4</b>	“Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất”.
<b>E-CDNT 31.5</b>	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu”.
<b>E-CDNT 34.1</b>	<p>Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là:0%;</p> <p>Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là:0%</p>
<b>E-CDNT 34.2</b>	- Tùy chọn mua thêm: "không áp dụng"
<b>E-CDNT 38.1</b>	<p>Địa chỉ nhận đơn kiến nghị Chủ đầu tư, Người có thẩm quyền: Ông Nguyễn Minh Tuấn, Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam , số 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Hà Nội</p>

<b>E-CDNT 38.2</b>	<p>Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau: Gửi công văn (có chữ ký, đóng dấu của đơn vị) nêu rõ nội dung cần kiến nghị về email và địa chỉ Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Người có thẩm quyền: Ông Nguyễn Minh Tuấn, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật</li><li>- Địa chỉ: Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Hà Nội.</li><li>- Email: vanthu@tsc.pvpower.vn</li></ul>
------------------------	---

### **Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT**

#### **Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT**

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu<sup>1</sup> không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

2. Trường hợp nhà thầu thầu liên danh: Không áp dụng.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

#### **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm<sup>2</sup>**

##### **2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

---

<sup>1</sup> Bảo đảm dự thầu là tài sản do nhà thầu nộp để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng.

<sup>2</sup> Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu được đánh giá dựa trên các tiêu chí sau đây:

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng, đánh giá tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Bảng số 01

## BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

TT	Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(2)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế <sup>(3)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) <sup>(4)</sup>	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 7.200.000.000 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng trong tự	Cung cấp tối đa 02 hợp đồng tương tự với quy mô, tính chất tương tự gói thầu đang xét mà Nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ với tư cách là Nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc Nhà thầu phụ kể từ năm 2022 trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu). Trong đó, hợp đồng tương tự là: - Tương tự về tính chất: (i) Cung cấp vật tư khớp nối thủy lực bơm cấp điện; và (ii) Cung cấp dịch vụ BDSC khớp nối thủy lực bơm cấp điện; và (iii) Cung cấp chuyên gia phục vụ BDSC khớp nối thủy lực bơm cấp điện NMND than có công suất tổ máy $\geq 600\text{MW}$ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (trương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05



(số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

*(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).*

(4) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu đó cung cấp không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Trường hợp sau khi đánh giá mà nhà thầu không đáp ứng về đối tượng được hưởng ưu đãi thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về doanh thu.

(7) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(8) Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

**2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:****a) Nhân sự chủ chốt:**

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B, 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT và không cung cấp được tài liệu chứng minh năng lực, khả năng huy động nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được quy định tại Bảng 02 dưới đây. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV và cung cấp các tài liệu, chứng chỉ liên quan để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt <sup>(1)</sup>**

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn <sup>(2)</sup>
1	Chuyên gia khớp nối thủy lực	01	Số năm kinh nghiệm về kiểm tra, đánh giá, lắp đặt, căn chỉnh và hiệu chỉnh khớp nối thủy lực của hãng Voith hoặc tương đương $\geq 5$ năm a) Đối với trường hợp nhà thầu cung cấp	- Văn bản cam kết của Nhà sản xuất gốc Voith hoặc Nhà sản xuất tương đương về việc cung cấp chuyên gia. - Lý lịch chuyên gia (theo mẫu)

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn <sup>(2)</sup>
			<p>chuyên gia của NSX gốc Voith:</p> <p>Có xác nhận của NSX gốc về việc chuyên gia đã chủ trì thực hiện đại tu khớp nối thủy lực bơm cấp có kiểu loại, công suất bằng/hoặc lớn hơn công suất khớp nối thủy lực bơm cấp điện của hãng Voith tổ máy công suất <math>\geq 600\text{MW}</math> Nhà máy Nhiệt điện Than. Số lượng công trình đã thực hiện đại tu <math>\geq 02</math> công trình.</p> <p>b) Đối với trường hợp nhà thầu cung cấp chuyên gia của Đơn vị khác mà có chứng chỉ của NSX gốc Voith hoặc của NSX tương ứng nếu sử dụng hàng tương đương:</p> <p>- Có xác nhận của chủ đầu tư/ khách hàng sử dụng cuối cùng về việc chuyên gia đã chủ trì thực hiện trung tu/đại tu khớp nối thủy lực bơm cấp có kiểu loại, công suất bằng/hoặc lớn hơn công suất khớp nối thủy lực bơm cấp điện hãng Voith tổ máy công suất <math>\geq 600\text{MW}</math> Nhà máy Nhiệt điện Than, được chủ đầu tư/ khách hàng đánh giá là đạt yêu cầu kỹ thuật: Số lượng công</p>	<p>- Chứng chỉ/chứng nhận hoàn thành các khóa đào tạo về lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa khớp nối thủy lực bơm cấp điện của hãng Voith hoặc hãng tương đương bằng tiếng Anh hoặc có bản dịch được công chứng/chứng thực đính kèm bản gốc.</p> <p>- Hợp đồng thi công hoặc quyết định có tên chuyên gia tham gia, hoặc các giấy tờ liên quan đến Chủ đầu tư có thể hiện năng lực kinh nghiệm thi công.</p>

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn <sup>(2)</sup>
			<p>trình đã thực hiện đại tu <math>\geq 03</math> công trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu phải cung cấp thông tin chủ đầu tư/người sử dụng cuối để xác minh, đối chiếu thông tin.</li> </ul>	
2	Chi huy trưởng	01	<p>Số năm kinh nghiệm trong công tác lắp đặt, BDSC thiết bị trong các nhà máy nhiệt điện, nhà máy công nghiệp (tính đến thời điểm đóng thầu) <math>\geq 10</math> năm.</p> <p>Đã từng làm <math>\geq 02</math> công trình (trong đó có ít nhất 01 công trình với vai trò chỉ huy trưởng) công trình đại tu khớp nối thủy lực bơm cấp điện hãng Voith tổ máy công suất <math>\geq 600\text{MW}</math> Nhà máy Nhiệt điện Than, các công trình này đã được chủ đầu tư đánh giá hoàn thành đúng tiến độ và đạt chất lượng yêu cầu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng thi công và quyết định có tên nhân sự này tham gia, hoặc các giấy tờ liên quan đến Chủ đầu tư có thể hiện năng lực kinh nghiệm thi công</li> <li>- Bằng đại học trở lên chuyên ngành cơ khí/điện hoặc thủy lực (bản sao y) theo yêu cầu.</li> <li>- Bản sao chứng nhận/chứng chỉ/thẻ AT VSLD</li> </ul>
3	Giám sát kỹ thuật	01	<p>Số năm kinh nghiệm trong công tác lắp đặt, BDSC thiết bị trong các nhà máy nhiệt điện, nhà máy công nghiệp (tính đến thời điểm đóng thầu) <math>\geq 05</math> năm.</p> <p>Đã từng làm <math>\geq 01</math> công trình (trong đó có ít nhất 01 công trình với vai trò giám sát kỹ thuật công trình đại tu khớp nối thủy lực bơm cấp điện hãng Voith tổ máy công</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng thi công và quyết định có tên nhân sự này tham gia, hoặc các giấy tờ liên quan đến Chủ đầu tư có thể hiện năng lực kinh nghiệm thi công</li> <li>- Bằng đại học trở lên chuyên ngành cơ khí/điện hoặc thủy lực (bản sao y) theo yêu cầu.</li> <li>- Bản sao chứng nhận/chứng chỉ/thẻ AT VSLD</li> </ul>

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn <sup>(2)</sup>
			suất $\geq 300\text{MW}$ Nhà máy Nhiệt điện Than, các công trình này đã được chủ đầu tư đánh giá hoàn thành đúng tiến độ và đạt chất lượng yêu cầu.	
3	Thợ sửa chữa chính	03	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số năm kinh nghiệm trong công tác BDSC thiết bị trong các nhà máy nhiệt điện/nhà máy công nghiệp <math>\geq 03</math> năm.</li> <li>- Đã từng làm <math>\geq 02</math> công trình trung/đại tu hoặc lắp đặt khớp nối thủy lực bơm cấp điện trong nhà máy nhiệt điện có công suất tổ máy <math>300\text{MW}</math> trở lên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng thi công và quyết định có tên nhân sự này tham gia, hoặc các giấy tờ liên quan đến Chủ đầu tư có thể hiện năng lực kinh nghiệm thi công.</li> <li>- Bằng cấp chứng chỉ (bản sao y) theo yêu cầu</li> <li>- Bằng trung cấp trở lên chuyên ngành kỹ thuật.</li> <li>- Bản sao chứng nhận/chứng chỉ/thẻ AT VSLD</li> </ul>
4	Nhân sự thực hiện NDT	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số năm kinh nghiệm trong công tác NDT công tác lắp đặt, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị tại các nhà máy nhiệt điện/công nghiệp tối thiểu 04 năm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng thi công và quyết định có tên nhân sự này tham gia, hoặc các giấy tờ liên quan đến Chủ đầu tư có thể hiện năng lực kinh nghiệm thi công.</li> <li>- Chứng chỉ NDT tối thiểu bậc II còn hiệu lực</li> <li>- Bản sao chứng nhận/chứng chỉ/thẻ AT VSLD</li> </ul>
5	Nhân sự phụ trách an toàn	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kinh nghiệm 03 năm phụ trách công tác an toàn</li> <li>- Tối thiểu 01 công trình phụ trách công tác an toàn trong trung tu/đại tu nhà máy điện có công suất <math>\geq 300\text{MW}</math>;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng thi công và quyết định có tên nhân sự này tham gia, hoặc các giấy tờ liên quan đến Chủ đầu tư có thể hiện năng lực kinh nghiệm thi công</li> <li>- Chứng chỉ NDT tối thiểu bậc II còn hiệu lực</li> <li>- Bản sao chứng nhận/chứng chỉ/thẻ AT VSLD</li> </ul>

Sử dụng tiêu chí Đạt/ Không đạt để đánh giá yêu cầu về nhân sự chủ chốt. Trường hợp Nhà thầu không đáp ứng các yêu cầu về nhân sự chủ chốt nêu trên kể cả sau khi làm rõ, Nhà thầu được đánh giá là Không đạt về năng lực và kinh nghiệm.

**c) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu: Không.**

**Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

TT	Tiêu chí	Yêu cầu	Đánh giá
<b>I</b>	<b>Tiêu chuẩn đánh giá đối với vật tư</b>		
1	Phạm vi cung cấp	Đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục II, điểm 1.a	Đạt
		Không đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục II, điểm 1.a	Không đạt
2	Tiến độ và địa điểm giao hàng	Đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục II, điểm 1.a	Đạt
		Không đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục II, điểm 1.a	Không Đạt
3	Yêu cầu kỹ thuật		
a	Yêu cầu chung	Đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 1.a	Đạt
		Không đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 1.a	Không Đạt
b	Yêu cầu đối với tài liệu	Đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 1.b	Đạt
		Không đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 1.b	Không Đạt
c	Bảo hành	Đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 1.c	Đạt
		Không đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 1.c	Không Đạt
d	Quy định đối với hàng hóa tương đương	Đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 1.d	Đạt
		Không đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 1.d	Không Đạt
<b>II</b>	<b>Tiêu chuẩn đánh giá đối với chuyên gia</b>		
1	Phạm vi công việc chuyên gia	Đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục II, điểm 1.b	Đạt

TT	Tiêu chí	Yêu cầu	Đánh giá
		Không đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục II, điểm 1.b	Không đạt
2	Yêu cầu về năng lực chuyên gia		
a	Chứng chỉ	Có chứng chỉ/chứng nhận hoàn thành các khóa đào tạo về lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa khớp nối thủy lực bơm cấp điện của hãng Voith hoặc hãng tương đương bằng tiếng Anh hoặc có bản dịch được công chứng/chứng thực đính kèm bản gốc	Đạt
		Không có chứng chỉ	Không đạt
b	Kinh nghiệm của chuyên gia	Kinh nghiệm về kiểm tra, đánh giá, lắp đặt, căn chỉnh và hiệu chỉnh khớp nối thủy lực của hãng Voith hoặc tương đương: $\geq 05$ năm	Đạt
		Kinh nghiệm về kiểm tra, đánh giá, lắp đặt, căn chỉnh và hiệu chỉnh khớp nối thủy lực của hãng Voith hoặc tương đương: $< 05$ năm	Không đạt
c	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự	<p>Đáp ứng một trong hai trường hợp sau:</p> <p>a) Đối với trường hợp nhà thầu cung cấp chuyên gia của NSX gốc Voith:            Có xác nhận của NSX gốc về việc chuyên gia đã chủ trì thực hiện đại tu khớp nối thủy lực bơm cấp có kiểu loại, công suất bằng/hoặc lớn hơn công suất khớp nối thủy lực bơm cấp điện của hãng Voith tổ máy công suất <math>\geq 600</math> MW Nhà máy Nhiệt điện Than: <i>Số lượng công trình đã thực hiện trung tu/đại tu đạt chất lượng, tiến độ yêu cầu <math>\geq 02</math></i></p> <p>b) Đối với trường hợp nhà thầu cung cấp chuyên gia của Đơn vị khác mà có chứng chỉ của NSX gốc Voith hoặc của NSX tương ứng nếu sử dụng hàng tương đương:            Có xác nhận của chủ đầu tư/ khách hàng sử dụng cuối cùng về việc chuyên gia đã chủ trì thực hiện trung tu/đại tu hệ thống bơm cấp điện, khớp nối thủy lực bơm cấp điện có kiểu loại bằng/hoặc lớn hơn công suất khớp nối thủy lực bơm cấp điện của hãng Voith tổ máy công suất <math>\geq 600</math> MW Nhà máy Nhiệt điện Than, được chủ đầu tư/ khách hàng đánh giá là đạt yêu cầu kỹ thuật: <i>Số lượng công trình đã thực hiện trung tu/đại tu <math>\geq 03</math>.</i></p>	Đạt

TT	Tiêu chí	Yêu cầu	Đánh giá
		Không đáp ứng	Không đạt
d	Huy động chuyên gia trong quá trình nghiệm thu	Nhà thầu cam kết bằng chi phí của mình sẽ huy động Chuyên gia có mặt tại hiện trường hoặc từ xa để tham gia quá trình chạy thử, nghiệm thu theo thời gian thông báo của Chủ đầu tư	Đạt
		Không có cam kết	Không đạt
<b>III</b>	<b>Tiêu chuẩn đánh giá đối với dịch vụ</b>		
1	Phạm vi công việc	Đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục II, điểm 1.c	Đạt
		Không đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục II, điểm 1.c	Không đạt
2	Tiến độ thực hiện	≤ 15 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.	Đạt
		> 15 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.	Không đạt
3	Yêu cầu kỹ thuật		
a	Yêu cầu chung	Đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 3.a	Đạt
		Không đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 3.a	Không đạt
b	Yêu cầu về công tác ATSKMT	Đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 3.b	Đạt
		Không đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 3.b	Không đạt
c	Yêu cầu về tài liệu	Đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 3.c	Đạt
		Không đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 3.c	Không đạt
4	Đề xuất kỹ thuật của Nhà thầu		
a	Yêu cầu về vật tư, CCDC, MTC	Đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 3.a	Đạt
		Không đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 3.a	Không đạt
b	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công	Đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 3.b	Đạt
		Không đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 3.b	Không đạt
c	Biện pháp đảm bảo chất lượng	Đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 3.c	Đạt
		Không đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 3.c	Không đạt

TT	Tiêu chí	Yêu cầu	Đánh giá
d	Tiến độ thi công chi tiết	Đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 3.d	Đạt
		Không đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 3.d	Không đạt
e	Công tác an toàn sức khỏe môi trường	Đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 3.e	Đạt
		Không đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 3.e	Không đạt
f	Bảo hành, bảo trì	Đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 3.f	Đạt
		Không đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Chương V, Mục III, điểm 3.f	Không đạt

#### Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

##### 4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>1</sup>:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục Mục 28 E-CDNT;

Bước 6. Xếp hạng Nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

##### Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện E-HSDT đáp ứng căn bản E-HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” Nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong E-HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong U-HSMT;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

## (2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về số lượng hàng hóa cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong E-HSĐT của Nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu về số lượng hàng hóa cung cấp mà không có đơn giá tương ứng trong E-HSĐT của Nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà Nhà thầu chào thiếu trong số các E-HSĐT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong E-HSĐT của các Nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một Nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong E-HSĐT của Nhà thầu này; trường hợp E-HSĐT của Nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp Nhà thầu có giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

**Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU**

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1.	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)	Scan bản kê khai đính kèm lên hệ thống (Nhà thầu ký tên, đóng dấu hợp lệ)	X	
2.	Mẫu số 02. Đơn dự thầu			X
3.	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
4.	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)	Scan đính kèm lên hệ thống hoặc bảo lãnh điện tử		X
5.	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)			X
6.	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Scan bản kê khai đính kèm lên hệ thống (Nhà thầu ký tên, đóng dấu hợp lệ)		X
7.	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
8.	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
9.	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
10.	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu			X
11.	Mẫu số 07. Hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
12.	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
13.	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
14.	Mẫu số 09B. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
15.	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo			X

	kết quả đầu ra, hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)			
16.	Mẫu số 11A. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)			<b>X</b>
17.	Mẫu số 12. Bảng kê khai dịch vụ được hưởng ưu đãi			

**PHẠM VI CUNG CẤP**

(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)

**I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra**

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mỗi đầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Cung cấp vật tư phục vụ trung tu hệ thống khớp nối thủy lực bơm nước cấp tổ máy số 1 NMINĐ Vũng Áng 1 năm 2026	Chi tiết tại chương V	01	Gói	NMINĐ Vũng Áng 1, xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	24 tuần kể từ ngày ký hợp đồng
2	Cung cấp chuyên gia phục vụ trung tu hệ thống khớp nối thủy lực bơm nước cấp tổ máy số 1 NMINĐ Vũng Áng 1 năm 2026	Chi tiết tại chương V	01	Gói	NMINĐ Vũng Áng 1, xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	15 ngày
3	Cung cấp dịch vụ trung tu hệ thống khớp nối thủy lực bơm nước cấp tổ máy số 1 NMINĐ Vũng Áng 1 năm 2026	Chi tiết tại chương V	01	Gói	NMINĐ Vũng Áng 1, xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	15 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng

**Mẫu số 02 (Scan lên hệ thống)**

**ĐƠN DỰ THẦU <sup>(1)</sup>**

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên gói thầu: \_\_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_, Mã số thuế \_\_\_\_\_, cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ số E-TBMT: \_\_\_\_\_ theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là \_\_\_\_\_ cùng với các bảng giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là \_\_\_\_\_ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_\_\_ [*tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSMT: \_\_\_\_\_

Bảo đảm dự thầu\*: \_\_\_\_\_ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu<sup>(2)</sup>: \_\_\_\_\_ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

\_\_\_\_\_

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;
7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu<sup>(3)</sup>;
8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực;
9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;
10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;
11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu<sup>(4)</sup>;
12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng.<sup>(5)</sup>

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số, chữ ký của đại diện của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự

để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(4) Đối với gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.

## THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(1)</sup>

Ngày: \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_

Thuộc dự án/ dự toán mua sắm: \_\_\_\_\_

Căn cứ<sup>(2)</sup>

Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: \_\_\_\_\_ với số E-TBMT: \_\_\_\_\_

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh thứ nhất:** \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

**Tên thành viên liên danh thứ hai:** \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_;

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

**Tên thành viên liên danh thứ n:** \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_;

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

### Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_\_ thuộc dự án/ dự toán mua sắm \_\_\_\_\_

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_\_ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_\_ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

## Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_\_ đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công \_\_\_\_\_ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(3)</sup>:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_\_ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây <sup>(4)</sup>:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh _____	- _____ - _____	- _____ % - _____ %

2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....	....	....	.....
<b>Tổng cộng</b>		<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	<b>100%</b>

**Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
- Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_\_ thuộc dự án/ dự toán mua sắm \_\_\_\_\_ theo thông báo của Chủ đầu tư

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

*[xác nhận, chữ ký số]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

*[xác nhận, chữ ký số]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phân độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phân mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

**Mẫu số 04A (Scan đính kèm)****BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

*(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)*

**Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh):** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là \_\_\_ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số \_\_\_ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(4)</sup> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ

đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSĐT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

#### **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

#### **Ghi chú:**

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

**Mẫu số 04B (Scan đính kèm)**

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

*(áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)*

**Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh):** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là \_\_\_ [ghi tên nhà thầu]<sup>(2)</sup> (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số \_\_\_ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(4)</sup>.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(5)</sup> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ

đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng;

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh \_\_\_\_\_ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

### **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B +C)”, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự

thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

**Mẫu số 05 (Scan lên hệ thống)****HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>	
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Giá hợp đồng <sup>(3)</sup>	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i> Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>	
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>	
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>	
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>	
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>	
<b>Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III<sup>(2)</sup></b>		
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>	
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện <sup>(3)</sup>	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>	
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>	
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>	

**Ghi chú:**

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

**Mẫu số 06A (Scan lên hệ thống)****BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và nhân sự của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSDT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động nhân sự để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ nhân sự theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1		<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

Mẫu số 06B (Scan lên hệ thống)

**BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Thông tin nhân sự		Công việc hiện tại								
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/Fax/Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]									
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]									
...										
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]									

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

Mẫu số 06C (Scan lên hệ thống)

**BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN<sup>(1)</sup>**

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2				
...	...			

Ghi chú:

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

**Mẫu số 07 (Scan lên hệ thống)**

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_  
Ngày: \_\_\_\_\_  
Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

<b>Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III</b>			
<input type="checkbox"/> Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
<input type="checkbox"/> Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
<b>Năm</b>	<b>Phần việc hợp đồng không hoàn thành</b>	<b>Mô tả hợp đồng</b>	<b>Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)</b>
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**Mẫu số 08 (Scan hệ thống)**

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) <sup>(2)</sup>	(Hệ thống tự động tính)		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải chuẩn bị, scan các tài liệu lên hệ thống và chuẩn bị để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

**Mẫu số 09A (Scan lên hệ thống)**

**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ<sup>(1)</sup>**

STT	Tên nhà thầu phụ <sup>(2)</sup>	Phạm vi công việc <sup>(3)</sup>	Khối lượng công việc <sup>(4)</sup>	Giá trị % ước tính <sup>(5)</sup>	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ <sup>(6)</sup>
1					
2					
3					
4					
...					

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSĐT; trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

**Mẫu số 09B (Scan lên hệ thống)**

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN  
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU<sup>(1)</sup>**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên <sup>(2)</sup>	Công việc đảm nhận trong gói thầu <sup>(3)</sup>	Giá trị % so với giá dự thầu <sup>(4)</sup>	Ghi chú
1				
2				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

**BẢNG TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN**

(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU**

(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
1	Cung cấp vật tư phục vụ trung tu hệ thống khớp nối thủy lực bơm nước cấp tổ máy số 1 NMINĐ Vũng Áng 1 năm 2026	Chi tiết tại chương V	01	Gói		
2	Cung cấp dịch vụ (bao gồm chuyên gia) trung tu hệ thống khớp nối thủy lực bơm nước cấp tổ máy số 1 NMINĐ Vũng Áng 1 năm 2026	Chi tiết tại chương V	01	Gói		
2.1	Giá trị phần cung cấp chuyên gia					
2.2	Giá trị phần cung cấp dịch vụ					
<b>Tổng cộng:</b>						XI

Ghi chú:

- Nhà thầu chào chi tiết đơn giá (vật tư, chuyên gia, phạm vi công việc dịch vụ) theo danh mục đính kèm tại chương V
- Mức thuế suất GTGT áp dụng 8%

**Mẫu số 12 (Scan lên hệ thống)****BẢNG KÊ KHAI DỊCH VỤ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI**

Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi đối với các nội dung mà nhà thầu kê khai theo bảng dưới đây. Trường hợp nhà thầu không tích chọn thì không được hưởng ưu đãi về nội dung này.

<b>Nội dung</b>	<b>Có</b>	<b>Không</b>
<b>Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo<sup>(1)</sup></b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Dịch vụ là sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP mà sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong 6 năm gần đây<sup>(2)</sup></b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú:

(1), (2): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng. Trường hợp nhà thầu tích chọn vào “Có” nội dung (1) thì Hệ thống cho phép nhà thầu chọn nội dung (2).

Trường hợp nhà thầu tích chọn “Có” thì nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.

## Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

#### I. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

##### 1. Tổng quan

- Hệ thống bơm nước cấp NMD Vũng Áng 1 có chức năng cấp nước từ khử khí tới các bộ gia nhiệt cao áp (đầu vào bộ gia nhiệt cao áp số 3) và cung cấp nước cho hệ thống phun nước giảm ôn đường hơi đi tắt cao áp (HP By-pass), phun giảm ôn bộ quá nhiệt (Superheater) trích từ đường cấp nước chính và phun giảm ôn cho bộ tái nhiệt (Reheater) trích từ đường trích trung áp của bơm nước cấp. Hệ thống bơm nước cấp lò hơi bao gồm 02 hệ thống bơm nước cấp dẫn động bằng tuabin, 01 hệ thống bơm nước cấp dẫn động bằng động cơ. Trong đó, hệ thống bơm nước cấp dẫn động bằng tuabin bao gồm: 02 bơm nước cấp, 02 tuabin hơi dẫn động bơm nước cấp, 02 bơm tăng áp cho 02 bơm nước cấp, 02 hệ thống dầu bôi trơn cho các bơm nước cấp và tuabin dẫn động bơm nước cấp, 02 hệ thống dầu thủy lực điều khiển van cấp hơi vào tuabin dẫn động bơm nước cấp và các đường ống, van, hệ thống làm mát liên quan...02 tuabin dẫn động 2 bơm nước cấp chính có công suất mỗi bơm 50%, và vận hành trong chế độ vận hành bình thường. Hệ thống bơm cấp dẫn động bằng động cơ điện được vận hành trong quá trình khởi động/ngừng tổ máy, dự phòng khi có sự cố bất thường bơm cấp dẫn động bằng tuabin. Hệ thống bơm cấp điện được trang bị khớp nối thủy lực để điều chỉnh tốc độ bơm đáp ứng lưu lượng nước cấp cho lò hơi theo yêu cầu.
- Sau một thời gian hoạt động, khớp nối thủy lực bơm cấp điện đã đến chu kỳ cần phải bảo dưỡng, sửa chữa...để đảm bảo thiết bị vận hành tin cậy, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, hạn chế tổn hao hiệu suất trong quá trình vận hành...

##### 2. Thông tin gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 28: Cung cấp dịch vụ trung tu hệ thống khớp nối thủy lực bơm nước cấp tổ máy số 1 NMD Vũng Áng 1 năm 2026.
- Chủ đầu tư: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.
- Thời gian thực hiện: 15 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng (phần dịch vụ)
- Địa điểm thực hiện: Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, Xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh.

#### II. Phạm vi công việc

##### 1. Yêu cầu về phạm vi cung cấp vật tư, chuyên gia, dịch vụ sửa chữa

###### a. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa:

- Phạm vi cung cấp hàng hóa quy định chi tiết tại Phụ lục 1 - Danh mục vật tư thay thế phục vụ công tác trung tu hệ thống khớp nối thủy lực.

- Tiến độ cung cấp: 24 tuần kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Địa điểm: Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, Xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh.
- b. Phạm vi cung cấp chuyên gia:
  - Phạm vi cung cấp chuyên gia quy định chi tiết tại Phụ lục 2 – Phạm vi công việc cung cấp chuyên gia
  - Địa điểm làm việc: Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh.
  - Nhà thầu cam kết cung cấp chuyên gia có kinh nghiệm của nhà sản xuất gốc (NSX) Voith hoặc chuyên gia của NSX khác mà có chứng chỉ của hãng NSX Voith hoặc chứng chỉ của NSX tương đương cấp đáp ứng các yêu cầu sau:
    - + Số lượng chuyên gia: 01 người.
    - + Ngoại ngữ: Thông thạo tiếng Anh hoặc tiếng Việt.
  - Phạm vi công việc của chuyên gia:
    - + Chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện đại tu khớp nối thủy lực của bơm cấp điện tổ máy số 1 NMTĐ Vũng Áng 1 năm 2026.
    - + Hướng dẫn, giám sát công tác tháo, lắp đặt, thay thế các chi tiết của khớp nối thủy lực.
    - + Đo đạc, kiểm tra, đánh giá các chi tiết khớp nối thủy lực và đưa ra các khuyến cáo/biện pháp sửa chữa/thay thế.
    - + Căn chỉnh khớp nối thủy lực với các thông số kỹ thuật theo khuyến cáo của nhà chế tạo.
    - + Kiểm tra, đánh giá tình trạng, xử lý các bất thường của khớp nối thủy lực.
    - + Thực hiện nghiệm thu sau khi lắp đặt hoàn chỉnh khớp nối thủy lực, chạy thử theo yêu cầu của chủ đầu tư.
    - + Báo cáo công việc theo ngày và có báo cáo cuối cùng đưa ra khuyến cáo/đánh giá sau khi hoàn thành quá trình lắp đặt/hoặc chạy thử nghiệm thử khớp nối thủy lực.
  - Chế độ làm việc của chuyên gia:
    - + Làm liên tục từ khi bắt đầu huy động cho đến khi hoàn thành công việc, bao gồm cả thứ 7, chủ nhật và ngày lễ.
    - + Thời gian làm việc hàng ngày là 8h/ngày (không bao gồm 1h nghỉ trưa). Khoảng thời gian huy động được phép bắt đầu từ 07h00 đến 21h00 tùy thuộc vào công việc thực tế.
    - + Thời gian bắt đầu huy động dự kiến: Trong tháng 08/2026. Chủ đầu tư sẽ thông

JK

báo đến Nhà thầu trước 03 tháng thực hiện kế hoạch đại tu khớp nối thủy lực. Sau khi nhận thông báo từ Chủ đầu tư, Nhà thầu phải gửi CV của chuyên gia dự kiến thực hiện công việc cho Chủ đầu tư xem xét chấp thuận mới được huy động. Nhà thầu phải lên kế hoạch và đảm bảo nhân sự sẵn sàng huy động theo yêu cầu của Chủ đầu tư sau khi nhận thông báo chấp thuận chuyên gia đề xuất từ Nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc thay đổi thời gian bắt đầu huy động nếu không thông báo sớm hơn 01 tháng trước thời điểm huy động yêu cầu trước đó.

c. Phạm vi cung cấp dịch vụ sửa chữa:

- Phạm vi cung cấp dịch vụ sửa chữa quy định chi tiết tại các Phụ lục 3.
- Tiến độ thực hiện: 15 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.
- Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc trung tu trên cơ sở khối lượng kèm theo của bên mời thầu cho toàn bộ các thiết bị được nêu trong gói thầu bao gồm tất cả các công việc liên quan từ khảo sát, lập quy trình lắp đặt, quy trình nghiệm thu, biện pháp thi công, biện pháp an toàn, chuẩn bị các điều kiện thực hiện đại tu, tiến hành tháo dỡ, kiểm tra tình trạng thiết bị, vật tư trước khi lắp đặt, thay thế thiết bị, lắp đặt, căn chỉnh, chạy thử, hiệu chỉnh, nghiệm thu đưa vào sử dụng, bàn giao, bảo hành...vv đáp ứng đúng theo thiết kế ban đầu hoặc các quy trình vận hành bảo dưỡng sửa chữa đã ban hành tại nhà máy và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.
- Trong quá trình thi công, nếu có bất cứ một thiết bị hay công việc nào của hệ thống thuộc phạm vi danh mục/hạng mục đại tu của gói thầu, nhưng chưa được nêu trong phần tiên lượng ở HSMT, nếu không làm thay đổi cơ bản tính chất công việc thì Nhà thầu vẫn thực hiện đại tu mà xem như đó là một phần nội dung công việc đã được thống nhất.
- Nhà thầu cung cấp bao gồm nhưng không giới hạn vật tư tiêu hao, vật liệu phụ cần thiết để hoàn thiện công việc.
- Nhà thầu cung cấp công cụ, dụng cụ, thiết bị thi công để thực hiện các công việc của gói thầu trên cơ sở biện pháp thi công của nhà thầu.
- Phối hợp thực hiện nghiệm thu chạy thử đơn động/liên động các thiết bị/hệ thống.
- Lập báo cáo (nội dung công việc và tiến độ) ngày, sự cố và báo cáo tổng thể khi hoàn thành trung tu. Tham gia họp kiểm điểm tiến độ và xử lý vướng mắc với chủ đầu tư hàng ngày hoặc khi có yêu cầu.
- Tuân theo chỉ đạo chung của chủ đầu tư (bên mời thầu) trong công tác phối hợp để xử lý công việc đối với những hạng mục có nhiều bên tham gia thực hiện.

- Thực hiện các công việc phát sinh trong thời gian đại tu tại nhà máy.

## 2. Phân chia trách nhiệm

### a. Trách nhiệm của Bên mời thầu

- Điện, nước thi công, khí nén phục vụ thi công.
- Cung cấp cầu và các tời nâng điện hiện có trong gian tuabin phục vụ sửa chữa.
- Cho phép Nhà thầu sử dụng các thiết bị trong workshop trong quá trình thi công (trong trường hợp CĐT có thể bố trí được, Nhà thầu tự chuẩn bị các vật tư tiêu hao liên quan). Sau khi hoàn thiện công tác, Nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả nguyên trạng và đảm bảo các tính năng sử dụng.
- Cung cấp giàn giáo và lắp đặt theo biện pháp thi công của Nhà thầu.
- Chỉ dẫn cho Nhà thầu các yêu cầu chung về an toàn và đặc thù cho từng khu vực.
- Tổ chức họp kiểm điểm tiến độ hàng ngày với Nhà thầu.
- Cấp giấy phép làm việc.

### b. Trách nhiệm của Nhà thầu

- Cung cấp chuyên gia, vật tư thay thế.
- Cung cấp vật tư tiêu hao, vật liệu phụ phục vụ thi công.
- Cung cấp máy thi công, công cụ dụng cụ thi công, đồ gá... phục vụ thi công.
- Thực hiện sửa chữa bảo dưỡng theo phạm vi công việc.
- Lập báo cáo đánh giá tình trạng các chi tiết vật tư tháo ra cần thay thế.
- Lập biện pháp thi công cho thiết bị/hệ thống (WPP) phải được Chủ đầu tư phê duyệt trước khi thi công.
- Lập qui trình nghiệm thu (ITP).
- Qui trình hàn và biện pháp hàn WPS & PQR (nếu có).
- Lập tiến độ thi công
- Lập sơ đồ tổ chức thi công.
- Chuẩn bị mặt bằng thi công.
- Lập biện pháp lắp đặt giàn giáo cho từng cụm thiết bị/hệ thống.
- Trình các biện pháp kiểm tra không phá hủy (NDT).
- Đèn chiếu sáng tại các khu vực thi công.
- Cam kết hợp tác & thực hiện các công việc phát sinh trong quá trình BDSC.
- Lập báo cáo tiến độ hàng ngày trình chủ đầu tư và tham gia họp kiểm điểm tiến độ hàng ngày với chủ đầu tư.
- Nhà ở, ăn uống, đi lại cho công nhân trong thời gian thực hiện SCĐK tại Nhà máy.

## III. Yêu cầu kỹ thuật

### 1. Yêu cầu đối với vật tư

#### a. Yêu cầu chung

- Cung cấp đầy đủ vật tư như Phụ lục 1. Vật tư đáp ứng đầy đủ các thông số và yêu cầu về kỹ thuật của vật tư như Phụ lục 1.
- Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2024;
- Cung cấp chứng chỉ chất lượng (C/Q) của nhà sản xuất, chứng chỉ xuất xứ vật tư

(C/O) của Phòng Thương mại hoặc Công nghiệp của quốc gia sản xuất hoặc xuất khẩu cấp .

- Vật tư cung cấp phải hoàn chỉnh và đồng bộ theo đúng yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng được quy định tại HSMT.
- b. Yêu cầu về tài liệu
  - Cung cấp tài liệu kỹ thuật/hoặc bản vẽ kỹ thuật của các vật tư, trong đó thể hiện các thông số kỹ thuật cơ bản của vật tư:
    - + Đối với vật tư phi tiêu chuẩn: Tên vật tư, Part number, Thông số kỹ thuật đặc trưng của vật tư: Kích thước/Vật liệu/Mã vật liệu/Áp suất định mức/Lưu lượng định mức/Nhiệt độ định mức/tốc độ định mức/v.v.
    - + Đối vật tư tiêu chuẩn hóa: Mã hiệu chuẩn hóa.
    - + Công cụ/dụng cụ chuyên dụng: Tên gọi, thông số kỹ thuật đặc trưng: Kích thước/mã tiêu chuẩn dụng cụ/khả năng chịu lực/v.v.
    - + Trong trường hợp Nhà thầu chào hàng của Nhà sản xuất (NSX) gốc: Nếu vật tư không có tài liệu/bản vẽ kỹ thuật đính kèm HSMT, mà chỉ có mã sản phẩm (Part Number) và được xác nhận bằng văn bản của của NSX gốc, thì văn bản đó có thể thay thế tài liệu/bản vẽ kỹ thuật của vật tư đó.
  - Các tài liệu kỹ thuật của Nhà thầu được coi là hợp lệ khi toàn bộ các tài liệu/bản vẽ kỹ thuật do Nhà thầu đề xuất trong HSMT được cấp và được xác nhận bằng văn bản từ NSX gốc/NSX tổ hợp/NSX tương đương hoặc trên website của họ; Hoặc Nhà thầu tự tìm hiểu lấy thông số trực tiếp từ bơm nước cấp tại NMNĐ Vũng Áng 1 và có xác nhận của NMNĐ Vũng Áng 1; Hoặc Nhà thầu tự tìm hiểu lấy thông số trực tiếp từ bơm nước cấp tại NMNĐ khác có bơm nước cấp cùng chủng loại & cùng thông số kỹ thuật với bơm nước cấp của NMNĐ Vũng Áng 1 và có xác nhận của NMNĐ đó.
- c. Bảo hành
  - Nhà thầu cam kết chế độ bảo hành vật tư tuân thủ theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất (tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao).
  - Trong trường hợp Nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành, bên mời thầu buộc phải sửa chữa xử lý thì Nhà thầu phải chịu chi phí sửa chữa đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.
- d. Yêu cầu đối với vật tư tương đương

Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 đang sử dụng vật tư/thiết bị của các Nhà sản xuất gốc tại Phụ lục 1 đính kèm. Để tạo thuận lợi cho các Nhà thầu tham chiếu, nắm bắt được thông tin của vật tư/thiết bị qua đó có phương án chào vật tư của Nhà sản xuất gốc hoặc Nhà sản xuất tương đương đáp ứng yêu cầu HSMT và tương thích với thiết bị/hệ thống hiện hữu. Trong trường hợp Nhà thầu đề xuất vật tư tương đương, Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ thông tin của Nhà sản xuất tương đương (Bao gồm: Tên, địa chỉ đặt nhà máy/cơ sở

sản xuất, thông tin về nhà máy/cơ sở sản xuất và các giấy phép, các chứng nhận chất lượng ISO) và chứng minh vật tư tương đương đáp ứng được yêu cầu sau:

✓ *Bước 1: Chứng minh vật tư tương đương đã sử dụng trên thị trường:*

Nhà thầu cần chứng minh một trong hai yêu cầu sau:

- Nhà thầu cần phải cấp tối thiểu 02 hợp đồng/đơn đặt hàng cung cấp vật tư thay thế tương đương và xác nhận của đơn vị sử dụng (Xác nhận phải có đầy đủ thông tin liên hệ, tên, chức vụ để bên chủ đầu tư có thể xác minh khi cần thiết) để chứng minh: Vật tư tương đương đã được kiểm chứng đảm bảo đủ độ tin cậy bởi các đơn vị hoạt động trong cùng lĩnh vực với Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, bao gồm:
  - + Danh mục vật tư phù hợp với gói thầu đang xét;
  - + Thời gian sử dụng  $\geq 12$  tháng;
  - + Chất lượng vật tư đáp ứng các tiêu chí vận hành ổn định.
- Hoặc Nhà thầu chứng minh được các vật tư tương đương đó đã được sản xuất/chế tạo tại cơ sở sản xuất của đơn vị cung cấp cho nhà sản xuất gốc đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng.

✓ *Bước 2: Đánh giá kỹ thuật đối với vật tư tương đương:*

Nhà thầu phải chứng minh vật tư tương đương đáp ứng hoặc đáp ứng tốt hơn yêu cầu như vật tư của NSX gốc, bao gồm:

- Có bảng phân tích, so sánh chi tiết: Thông số, đặc tính kỹ thuật, thành phần vật liệu, tiêu chuẩn chế tạo/sản xuất... của vật tư và cung cấp đầy đủ tài liệu để chứng minh;
- Có bản vẽ của NSX gốc hoặc bản vẽ đo đạc thực tế có xác nhận của Nhà máy điện và có tài liệu chứng minh vật tư tương đương có tính năng, tuổi thọ, kích thước lắp đặt như của NSX gốc;
- Có ít nhất 01 xác nhận của khách hàng sử dụng cuối cùng về chất lượng vật tư được sử dụng và hoạt động ổn định, hiệu quả trong thời gian  $\geq 24$  tháng; Các tài liệu chứng minh sử dụng tiếng Anh hoặc tiếng Việt và phải đáp ứng yêu cầu theo quy định (tương tự như đối với vật tư của NSX gốc).
- Có Cam kết hỗ trợ kỹ thuật, cam kết bảo hành, cam kết đảm bảo tài chính đối với vật tư sản xuất tương đương;

✓ *Yêu cầu về bảo hành với vật tư tương đương khi được lựa chọn:*

- Với vật tư tương đương chưa được Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP/Đơn vị trực thuộc/Công ty con/Công ty liên kết kiểm chứng nhưng đã được kiểm chứng bảo đảm đủ độ tin cậy bởi doanh nghiệp khác trong nước

hoạt động trong cùng lĩnh vực: cam kết thời gian bảo hành tăng thêm 06 tháng và giá trị bảo hành tăng thêm 100% so với vật tư của Nhà sản xuất gốc;

- Với vật tư tương đương chưa được Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP/Đơn vị trực thuộc/Công ty con/Công ty liên kết và doanh nghiệp khác trong nước hoạt động trong cùng lĩnh vực kiểm chứng bảo đảm đủ độ tin cậy: cam kết thời gian bảo hành tăng thêm 12 tháng và giá trị bảo hành tăng thêm 300% so với vật tư của Nhà sản xuất gốc.

## **2. Yêu cầu đối với chuyên gia**

### **a. Yêu cầu về chứng chỉ:**

- Có chứng chỉ kiểm tra, đánh giá khớp nối thủy lực của Hãng Voith hoặc Hãng tương đương;

### **b. Yêu cầu về kinh nghiệm:**

- Kinh nghiệm của chuyên gia: Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm về sửa chữa khớp nối thủy lực của Hãng Voith (cung cấp hồ sơ/giấy tờ chứng minh);
- Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự:
  - + Đối với chuyên gia của hãng Voith: Đã chủ trì thực hiện ít nhất 02 công trình đại tu khớp nối thủy lực bơm cấp điện có kiểu loại bằng/hoặc lớn hơn công suất khớp nối thủy lực bơm cấp điện của hãng Voith tổ máy công suất 600MW Nhà máy Nhiệt điện Than được Nhà sản xuất xác nhận;
  - + Đối với chuyên gia có chứng chỉ của hãng Voith hoặc chuyên gia của Nhà sản xuất tương đương: Đã chủ trì thực hiện ít nhất 03 công trình đại tu khớp nối thủy lực bơm cấp điện có kiểu loại bằng/hoặc lớn hơn công suất khớp nối thủy lực bơm cấp điện của hãng Voith tổ máy công suất 600MW Nhà máy Nhiệt điện Than được Nhà sản xuất xác nhận;
- Trong trường hợp do điều kiện phương thức vận hành từ Chủ đầu tư mà không thể thực hiện được công tác chạy thử nghiệm thu sau khi Nhà thầu hoàn thành công tác lắp đặt. Nhà thầu cam kết bằng chi phí của mình sẽ huy động Chuyên gia có mặt tại hiện trường hoặc từ xa để tham gia quá trình chạy thử, nghiệm thu theo thời gian thông báo của Chủ đầu tư.

## **3. Yêu cầu đối với dịch vụ sửa chữa**

### **a. Yêu cầu chung**

- Cung cấp dịch vụ đáp ứng đầy đủ phạm vi công việc như Phụ lục 3 đính kèm.
- Nhà thầu phải đệ trình đầy đủ chi tiết tiến độ và kế hoạch làm việc để chứng minh Nhà thầu đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật và hoàn thiện kịp thời gian theo yêu cầu.
- Dịch vụ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật về bảo dưỡng sửa chữa đảm bảo vận hành.

- Công tác bảo dưỡng sửa chữa thiết bị/hệ thống được thực hiện theo hướng dẫn dựa trên căn cứ chỉ dẫn trực tiếp của chuyên gia, quy trình vận hành và bảo dưỡng thiết bị của nhà máy, các tài liệu kỹ thuật cụ thể cho thiết bị/hệ thống của nhà máy, các tiêu chuẩn quốc gia/quốc tế quy định.
- Chất lượng bảo dưỡng sửa chữa thiết bị/ hệ thống trong quá trình thực hiện đến khi hoàn thành bàn giao sẽ tuân thủ theo tài liệu vận hành và bảo dưỡng của nhà máy, các biên bản nghiệm thu thiết bị/hệ thống lần đầu, tài liệu kỹ thuật của dự án, tiêu chuẩn quốc gia/quốc tế.
- Nhà thầu có trách nhiệm xây dựng quy trình nghiệm thu (ITP) cho thiết bị/ hệ thống dựa trên các tài liệu hiện hữu đã nêu trình chủ đầu tư xem xét chấp thuận.
- b. Yêu cầu về công tác an toàn sức khỏe môi trường
  - ✓ *An toàn chung*
    - Nhà thầu phải tuân thủ mọi quy định hiện hành về công tác an toàn sức khỏe môi trường của pháp luật và Chủ đầu tư từ khi bắt đầu cho đến khi hoàn thành công việc.
    - Nhà thầu phải tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho toàn bộ nhân sự của Nhà thầu cũng như của Nhà thầu phụ theo quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động.
    - Nhà thầu phải tuân thủ và có trách nhiệm buộc các Nhà thầu phụ của mình tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn lao động và an ninh an toàn.
  - ✓ *Tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn:*
    - Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công, biện pháp an toàn tổng thể cho toàn bộ công việc trình Chủ đầu tư chấp thuận trước khi phê duyệt ban hành thực hiện. Nhà thầu phải thiết lập, duy trì và giám sát một cách toàn diện, kịp thời mọi biện pháp an toàn cần thiết và các chương trình có liên quan phù hợp với các quy định của HSMT và các yêu cầu an toàn của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải thực hiện và yêu cầu các Nhà thầu phụ thực hiện các biện pháp an toàn cần thiết để ngăn ngừa tai nạn, sự cố cho người, tài sản hoặc bảo vệ môi trường.
    - Biện pháp tổ chức thi công tổng thể bao gồm một số nội dung chính như sau: Giới thiệu chung về phạm vi công việc thực hiện; Tiến độ thực hiện; Danh sách các Nhà thầu phụ tham dự; Trách nhiệm của các Nhà thầu phụ; Trình tự các bước thi công; Phương pháp kiểm tra, thử nghiệm; Thiết bị, công nghệ, công cụ, dụng cụ đưa vào thi công; Phương tiện bảo vệ cá nhân; Biện pháp an toàn; Dự kiến các rủi ro, sự cố và đề xuất biện pháp xử lý.
  - ✓ *Phòng cháy chữa cháy:*

- Nhà thầu phải tuân thủ nội quy phòng cháy và chữa cháy, nội quy sử dụng điện của Chủ đầu tư tại Nhà máy điện, phải áp dụng tất cả các biện pháp phòng cháy chữa cháy cần thiết, trang bị và bằng chi phí của Nhà thầu duy trì các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy lưu động mà Nhà thầu hoặc Chủ đầu tư cho là cần thiết, và tuân theo mọi quy định hiện hành của luật pháp Việt Nam về phòng chống cháy nổ.
- Nhà thầu sẽ phải bồi thường và không gây tổn hại đến Chủ đầu tư đối với mọi thiệt hại hoặc tổn thất do hậu quả cháy gây ra và Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm đối với mọi thiệt hại và tổn thất trong khu vực Nhà thầu chịu trách nhiệm, gồm cả khu vực của Nhà thầu phụ.
- Nhà thầu phải xây dựng Kế hoạch Ứng cứu tình huống khẩn cấp (UCTHKC) và đưa vào áp dụng trong quá trình thực hiện công việc. Bổ sung các tình huống khẩn cấp mới nếu phát hiện. Mọi nhân viên công tác phải biết Kế hoạch ứng cứu tình huống khẩn cấp của đơn vị, phải biết số điện thoại trong trường hợp khẩn cấp.
- ✓ *Bảo vệ môi trường*
  - Nhà thầu phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để bảo vệ môi trường (cả khu vực trong Nhà máy và tại lán trại) để giới hạn thiệt hại và ảnh hưởng đối với người và tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và do các hoạt động của Nhà thầu.
  - Nhà thầu có trách nhiệm báo trước cho chủ đầu tư biết nếu có ý định đem hóa chất độc hại hay các nguồn chứa hóa chất vào nhà máy. Cần phải nêu rõ tên hóa chất, chủng loại, mức độ nguy hiểm, và các biện pháp an toàn áp dụng khi sử dụng hóa chất đó.
  - Nhà thầu phải đảm bảo thao tác an toàn, không để rò rỉ hóa chất gây ảnh hưởng tới con người và môi trường xung quanh, phải có kế hoạch sử dụng và lưu trữ hợp lý, tránh xảy ra tai nạn liên quan tới hóa chất đang sử dụng hoặc tạm thời không sử dụng.
  - Khi không cần sử dụng nữa, hóa chất độc hại phải được nhanh chóng đưa ra khỏi khu vực thao tác; hóa chất thải cần được thu gom đúng quy định, quản lý chặt chẽ.
  - Nhà thầu có trách nhiệm dọn dẹp, vệ sinh hiện trường hàng ngày trong toàn bộ quá trình đại tu. Rác thải trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa sẽ được Nhà thầu gom vào thùng rác và/hoặc nơi do Chủ đầu tư quy định. Quy trình thu gom và xử lý chất thải cần được thống nhất trước khi thực hiện công việc.

- Rác thải độc hại thải ra trong quá trình thực hiện công việc phải được thu gom vào thùng chứa riêng và bàn giao lại cho Chủ đầu tư sau khi hoàn thành công việc.
- Chủ đầu tư cần được thông báo và xin ý kiến trong các trường hợp còn nghi ngại về các phân loại một loại rác thải nào đó.
- Nhà thầu phải thông báo ngay lập tức cho Chủ đầu tư nếu xảy ra rò rỉ chất thải hay sự cố tương tự. Bất cứ sự rò rỉ dầu nào đều cần được xử lý ngay lập tức. Nhà thầu cần xây dựng sẵn phương án xử lý khi xảy ra rò rỉ hay tràn dầu và trình Chủ đầu tư phê duyệt.
- Nghiêm cấm xả dầu thải hay bất cứ chất thải ô nhiễm nào khác vào cống, kênh thoát nước, hồ nước thải... Tất cả dầu thải cần được phân loại và chứa trong thùng chứa thích hợp, thu gom đến địa điểm tập kết do Chủ đầu tư quy định.
- Nhà thầu, trong khả năng và phạm vi trách nhiệm của mình, cần đảm bảo thiết lập và duy trì trong suốt thời gian thao tác một môi trường và không gian làm việc an toàn và không gây ảnh hưởng xấu tới sức khỏe người lao động.
- Nhà thầu cần thông báo nếu định sử dụng máy móc hay thiết bị tạo tiếng ồn lớn hơn 80 dB. Trong trường hợp đó, Nhà thầu cần có biện pháp cách âm thích hợp.
- ✓ *An toàn bức xạ*
  - Tất cả mọi sự sắp xếp cho việc sử dụng X-quang, Nhà thầu cần được thỏa thuận với Chủ đầu tư và cần thỏa mãn với các quy định hiện hành của pháp luật, Chủ đầu tư, Tiêu chuẩn quốc tế và các yêu cầu hiện trường khác. Không cho phép đem bất cứ nguồn X-quang nào vào khu vực mà chưa được sự cho phép của Chủ đầu tư. Cần thiết lập giới hạn khu vực nguy hiểm và có cảnh báo chỉ rõ khu vực bức xạ xung quanh nguồn phát X-quang.
- ✓ *Công tác Y tế và sức khỏe*
  - Nhà thầu phải quan tâm đầy đủ đến việc phòng ngừa, đảm bảo an toàn và sức khỏe cho nhân lực của Nhà thầu. Phối hợp với các cơ quan y tế địa phương, Nhà thầu phải đảm bảo rằng các nhân viên y tế, các phương tiện cấp cứu, phòng cấp cứu theo quy định của Nhà nước đối với Công trình, dịch vụ cấp cứu phải luôn luôn sẵn sàng trên Công trường cho Nhà thầu, Nhà thầu phụ, đồng thời phải có sự sắp xếp phù hợp để đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh, phúc lợi cần thiết và phòng chống các dịch bệnh.
  - Nhà thầu sẽ thiết lập và duy trì hoạt động của bộ phận y tế tạm thời có khả năng phục vụ nhu cầu hàng ngày của các nhân viên của Nhà thầu và Nhà thầu phụ làm việc tại Công trường và sống tại các lán trại. Bộ phận y tế sẽ phải trang bị đầy đủ các phương tiện sơ cứu và đội ngũ nhân viên y tế theo đúng

quy định hiện hành. Tổ chức huấn luyện sơ cấp cứu cho nhân lực tham gia công tác.

- Hồ sơ (Danh sách) khám sức khỏe định kỳ của người lao động, tách riêng Hồ sơ sức khỏe người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ.
- ✓ *Hồ sơ các chứng chỉ, chứng nhận huấn luyện ATVSLĐ*
- Nhà thầu cung cấp danh sách nhân sự kèm theo chứng chỉ, chứng nhận liên quan đang còn hiệu lực và hiệu lực trong suốt quá trình thực hiện công việc, như sau:
  - + Giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động, Thẻ an toàn lao động.
  - + Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ Phòng cháy chữa cháy.
  - + Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.
  - + Thẻ an toàn điện.
  - + Sổ theo dõi công tác huấn luyện an toàn.
  - + Bằng cấp, chứng chỉ của những người lao động làm những công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động như thợ hàn, thợ điện, lái cầu...
- ✓ *Danh mục thiết bị phương tiện thi công dự kiến đưa vào công trường*
- Nhà thầu phải cung cấp danh mục các phương tiện thi công mà Nhà thầu dự kiến trang bị và duy trì cho các mục đích nêu trên trong biện pháp thi công, biện pháp an toàn.
- Hồ sơ đăng ký, kiểm định đối với các thiết bị, máy có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Các quy trình vận hành an toàn của thiết bị (sổ quyết định ban hành).
- ✓ *Bố trí bộ máy quản lý ATVSLĐ*
- Nhà thầu phải bố trí cán bộ an toàn tại công trường, chịu trách nhiệm duy trì công tác an toàn vệ sinh lao động, môi trường. Cán bộ an toàn phải là người có năng lực và có thẩm quyền đưa ra các chỉ dẫn và áp dụng các biện pháp phòng ngừa nhằm mục đích ngăn ngừa tai nạn. Trong suốt quá trình thực hiện công việc, Nhà thầu phải trang bị mọi vật dụng an toàn, bảo hộ lao động cần thiết và phù hợp cho nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ.
- Sơ đồ bố trí nhân sự công tác quản lý ATVSLĐ của Nhà thầu, phân định trách nhiệm trong công tác quản lý ATVSLĐ cho cán bộ quản lý và và bộ phận nghiệp vụ. Phân công cán bộ Giám sát an toàn tại công trường.
- ✓ *Giải quyết sự cố tai nạn lao động*
- Trong trường hợp xảy ra tai nạn lao động, Nhà thầu phải báo cáo ngay cho Chủ đầu tư và các cấp theo quy định tại Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 Quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động.

Nhà thầu và/hoặc Nhà thầu phụ sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho bất kỳ tai nạn lao động nào xảy ra trong quá trình thực hiện công việc và sẽ chịu mọi trách nhiệm theo quy định hiện hành của luật pháp Việt Nam.

c. Yêu cầu về tài liệu

- Cung cấp bản tiên độ thi công chi tiết các hạng mục, tiên độ thi công tổng thể hợp lý. Có biểu đồ huy động nhân lực, vật liệu, thiết bị. Có cam kết bảo đảm tiên độ thi công.
- Cung cấp phương tiện thi công như máy móc, thiết bị (số lượng, chủng loại, chất lượng và khả năng huy động) phù hợp với điều kiện tại Nhà máy.
- Cung cấp biện pháp tổ chức thi công, sơ đồ tổ chức thi công, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp đảm bảo chất lượng công trình, bảo hành.
- Cung cấp biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn, vệ sinh môi trường và PCCN

**4. Đề xuất kỹ thuật của Nhà thầu**

Nhà thầu đề xuất giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công các hạng mục công việc theo quy định, cụ thể như sau:

a. Yêu cầu về vật tư, CCDC, MTC

Nhà thầu chịu trách nhiệm cung cấp đủ vật tư phục vụ thi công các hạng mục công việc theo HSMT. Vật tư phục vụ thi công, yêu cầu Nhà thầu tuân thủ các nội dung sau:

- Nhà thầu phải cam kết đáp ứng đầy đủ số lượng và đảm bảo chất lượng vật tư mới 100% chưa qua sử dụng để không ảnh hưởng đến tiến độ thi công và chất lượng công trình.
- Nhà thầu phải cung cấp giấy chứng nhận kiểm định còn hạn sử dụng đối với các thiết bị nằm trong danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định của Thông tư số 05/2014/TT-BLĐTXH.
- Các dụng cụ, thiết bị điện phải dùng loại ổ cắm 3 chân để đảm bảo an toàn trong quá trình thi công.
- Vật tư phải được kiểm tra và được nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng cho công trình và chấp nhận sự kiểm tra đột xuất của chủ đầu tư.

b. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công

Nhà thầu phải xây dựng giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công cho toàn bộ công trình và cho từng hạng mục công trình. Trong đó, tối thiểu phải đáp ứng các nội dung sau:

- ✓ *Giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công chủ yếu cho các công tác chính*

Nhà thầu phải trình bày các biện pháp thi công, quản lý chất lượng, nghiệm thu giai đoạn cho các nội dung yêu cầu trong bảng khối lượng công việc tại Phụ lục 3 nội dung cụ thể như sau:

- Công tác chuẩn bị thi công:
  - + Công tác chuẩn bị vật tư, vật liệu: Nhà thầu phải bố trí đủ nhân lực, phương tiện để tiếp nhận vật tư và phải có các biện pháp quản lý để đảm bảo chất lượng, số lượng vật tư trước khi đưa vào sử dụng.
  - + Nhà thầu trình bày công tác chuẩn bị các máy phục vụ thi công, đảm bảo không ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ công việc;
  - + Máy móc thi công, các dụng cụ kiểm tra, thí nghiệm phù hợp với biện pháp thi công đề xuất trong HSDT và đảm bảo chất lượng.
  - + Các máy móc dụng cụ thi công phải được liệt kê đầy đủ theo nội dung công việc và phải phù hợp với nội dung công việc.
  - + Có giấy tờ chứng minh máy móc, thiết bị thuộc quyền sở hữu của Nhà thầu hoặc nếu đi thuê thì phải có cam kết của chủ cho thuê với thời gian đáp ứng yêu cầu tiến độ trong HSMT.
  - + Có bảng kê chất lượng máy thi công kèm theo giấy cấp phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực (nếu có). Các thiết bị nằm trong danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định của Thông tư số 05/2014/TT-BLĐTXXH, ban hành ngày 06 tháng 3 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Danh mục phương tiện đo theo quy định tại Thông tư số 23/TT-BKHCHN, ban hành ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định quốc gia hoặc quốc tế (có tài liệu chứng nhận kèm theo).
- Công tác thi công:
  - + Nhà thầu phải trình bày công tác thi công cho các nội dung yêu cầu trong bảng khối lượng công việc tại Phụ lục 3 đảm bảo các yêu cầu: (i) Việc sửa chữa, thay thế mới các chi tiết, không làm sai lệch thiết kế ban đầu của thiết bị; (ii) Sau khi đại tu, thiết bị, hệ thống phải đảm bảo vận hành an toàn, ổn định và có thông số như thiết kế ban đầu hoặc các quy trình vận hành bảo dưỡng sửa chữa đã ban hành tại nhà máy và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư; (iii) Đảm bảo tiến độ của HSMT.
  - + Nhà thầu phải xây dựng giải pháp kỹ thuật phù hợp và đáp ứng theo yêu cầu công việc của HSMT.
  - + Nhà thầu đề ra các phương án bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động hợp lý theo nội dung công việc và vị trí thi công.
  - + Nhà thầu phải đưa ra những biện pháp đảm bảo chất lượng thi công bằng

cách: (i) Bố trí cán bộ kiểm tra giám sát, theo dõi công trình (tiến độ, nhật ký công trình...); (ii) Có biện pháp thi công chi tiết và các phương pháp kiểm tra, thí nghiệm theo tiêu chuẩn của nhà chế tạo hoặc Quốc gia hoặc Quốc tế; (iii) Thiết bị điện được thí nghiệm, hiệu chỉnh đảm bảo thông số cài đặt ban đầu của thiết bị và được gắn tem thí nghiệm trên vỏ thiết bị.

+ Trên cơ sở giải pháp kỹ thuật đề xuất, Nhà thầu phải xây dựng biện pháp tổ chức thi công tổng thể cho công trình, trong đó có nêu: Cách thức tổ chức thi công, bố trí địa điểm tập kết thiết bị thi công, địa điểm tập kết vật tư phục vụ thi công. Việc bố trí địa điểm tập kết thiết bị thi công, vật tư phục vụ thi công phải đảm bảo an toàn cho người, thiết bị và không ảnh hưởng đến các thiết bị công trình khác trong Nhà máy.

- Công tác tổ chức nghiệm thu các giai đoạn thi công và nghiệm thu tổng thể công trình: Nhà thầu trên cơ sở sơ đồ công nghệ và tài liệu vận hành để đưa ra phương án chi tiết về trình tự nghiệm thu cho từng hệ thống và cho toàn bộ công trình, đảm bảo hệ thống, công trình được nghiệm thu theo từng giai đoạn và đảm bảo:

+ Trong suốt quá trình chạy thử nghiệm thu, Nhà thầu phải bố trí đủ lực lượng có chuyên ngành phù hợp và chuyên gia nhà chế tạo, bố trí vật tư thay thế để xử lý kịp thời các khiếm khuyết xảy ra trong quá trình cung cấp, lắp đặt. Tất cả các lỗi không phải do vận hành của chủ đầu tư gây ra thì Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

+ Các thông số kỹ thuật chạy thử: Các thiết bị, hệ thống, công trình trong quá trình chạy thử phải đạt các thông số kỹ thuật so với thông số thiết kế và đảm bảo các tiêu chuẩn hiện hành.

+ Nghiệm thu từng phần chứa các hạng mục đã thi công xong và có đầy đủ biên bản sửa chữa, lắp đặt, thí nghiệm và các loại biên bản khác phù hợp với các tiêu chuẩn của nhà chế tạo hoặc tiêu chuẩn của Quốc gia/Quốc tế và quy định của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP, Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh.

+ Nghiệm thu tổng hợp khi đã thi công xong toàn bộ công trình và tổng hợp đầy đủ các biên bản sửa chữa, thí nghiệm và các loại biên bản khác phù hợp với tiêu chuẩn của nhà chế tạo hoặc tiêu chuẩn Quốc gia/Quốc tế.

+ Chạy thử từng phần và chạy thử tổng hợp: Thiết bị sau khi sửa chữa, lắp đặt xong sẽ chạy thử từng phần để khẳng định sự làm việc tin cậy và từng bộ phận/thiết bị riêng rẽ sau đó tiến hành chạy thử tổng hợp 72 giờ với công suất định mức và kiểm tra các thông số kỹ thuật theo thiết kế.

+ Trong trường hợp do điều kiện phương thức vận hành từ Chủ đầu tư mà

không thể thực hiện được công tác chạy thử nghiệm thu sau khi Nhà thầu hoàn thành công tác lắp đặt. Nhà thầu cam kết bằng chi phí của mình sẽ huy động Chuyên gia có mặt tại hiện trường hoặc từ xa để tham gia quá trình chạy thử, nghiệm thu theo thời gian thông báo của Chủ đầu tư.

- + Vận hành thử thách độ tin cậy 30 ngày: Quá trình chạy thử tin cậy đáp ứng yêu cầu vận hành sẽ được nghiệm thu để chuyển sang giai đoạn chạy bảo hành.

✓ *Tổ chức mặt bằng công trường*

Nhà thầu phải trình bày các nội dung sau:

- Phương án bố trí mặt bằng công trường, nhà ban chỉ huy, nhà bảo vệ, kho dụng cụ, kho vật tư, lán trại tạm, thiết bị thi công, kho vật liệu.
- Cách thức bố trí rào chắn, biển báo; tiêu chuẩn áp dụng, tiêu chuẩn phải phù hợp với quy định về an toàn hiện hành của Quốc gia.

✓ *Hệ thống tổ chức*

- Nhà thầu phải có sơ đồ bố trí nhân lực thi công cho các bộ phận quản lý chất lượng, tiến độ, các nhóm (tổ) thi công ... chi tiết, phù hợp với nội dung công việc và tiến độ. Trong đó, quy định trách nhiệm của từng chức danh, từng bộ phận từ công tác chuẩn bị, thi công, theo dõi, giám sát, chạy thử nghiệm thu đến bản giao đưa vào sử dụng.
- Nhà thầu phải trình bày phương án bố trí đủ nhân lực thi công như Đội trưởng trưởng, cán bộ giám sát kỹ thuật, tổ trưởng, công nhân kỹ thuật..., đủ trình độ chuyên môn để thực hiện công việc đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ theo phương án đề ra và phải bố trí nhân lực phục vụ công tác hoàn thiện các giấy tờ, thủ tục liên quan đến công tác thi công, nghiệm thu tại công trường.

c. *Biện pháp đảm bảo chất lượng*

- Quy trình quản lý chất lượng thi công: Yêu cầu Nhà thầu liệt kê các qui trình quản lý chất lượng thi công được áp dụng nếu trúng thầu, các qui trình quản lý chất lượng thi công phải phù hợp tiêu chuẩn của nhà chế tạo hoặc quy định hiện hành của quốc gia/quốc tế.
- Sơ đồ quản lý chất lượng: Nhà thầu phải có sơ đồ quản lý chất lượng, bao gồm quản lý chất lượng vật tư, quản lý chất lượng thi công, quản lý hồ sơ ...
- Biện pháp đảm bảo chất lượng vật tư: Nhà thầu phải nêu biện pháp đảm bảo chất lượng toàn bộ vật tư, trong đó nêu cụ thể:
  - + Lập bảng danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu, thiết bị sẽ đưa vào gói thầu và vật tư phục vụ cho biện pháp thi công;

+ Cách thức chung bảo quản số lượng, chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị.

d. Tiến độ thi công chi tiết:

- Nhà thầu phải xây dựng biểu tiến độ thi công chi tiết cho từng hạng mục công việc phân dịch vụ sửa chữa theo số ngày thực hiện (Với tổng tiến độ thi công là 15 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng) theo mẫu sau:

Stt	Hạng mục công việc	Tổng thời gian thực hiện					
		0	1	2	3	4	.....
1	Khớp nối thủy lực						
	Thiết bị/Hạng mục công việc 1						
	Thiết bị/Hạng mục công việc 2						
	.....						

- Căn cứ biểu tiến độ thi công chi tiết Nhà thầu đã xây dựng, yêu cầu Nhà thầu xây dựng biểu đồ huy động nhân lực, vật tư và thiết bị thi công để đảm bảo tiến độ vừa nêu.
- Nhà thầu phải trình bày sự phối hợp giữa các công tác thi công, giữa các tổ đội thi công để đảm bảo tiến độ đã đề xuất.
- Nhà thầu phải lường trước được một số rủi ro khách quan và nêu rõ biện pháp giải quyết khi xảy ra để đảm bảo tiến độ thi công.
- Trong khoảng thời gian không thể thi công công trình do điều kiện khách quan, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi rủi ro khách quan.
- Nhà thầu căn cứ vào năng lực của mình để lập tiến độ thi công xây dựng đảm bảo chất lượng yêu cầu.
- Nhà thầu cần tổ chức lập tiến độ thi công trên cơ sở khối lượng và biện pháp tổ chức thi công công trình (về bố trí nhân lực, bố trí thiết bị) do Nhà thầu đề xuất một cách hợp lý. Tiến độ thi công cần có tính toán cụ thể theo sự bố trí nhân lực, số lượng, năng suất các thiết bị thi công. Cam kết thời gian hoàn thành bàn giao công trình là bao nhiêu ngày kể từ ngày Chủ đầu tư giao mặt bằng cho Nhà thầu.

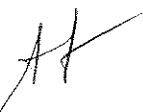
e. Công tác an toàn sức khỏe môi trường:

✓ *Biện pháp bảo vệ môi trường*

- Nhà thầu phải nêu biện pháp tập trung phế thải, rác thải và cách thức xử lý phế thải, rác thải để không ảnh hưởng đến môi trường.
- Nhà thầu phải nêu biện pháp để giảm thiểu: tiếng ồn, độ rung, bụi và khói.

- Nhà thầu phải cam kết đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường theo đúng quy định về môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm liên quan nếu vi phạm quy định trên.
- ✓ *Phòng cháy, chữa cháy*
  - Nhà thầu phải nêu các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy nổ nói chung.
  - Nhà thầu phải nêu các qui định, qui phạm tiêu chuẩn về phòng cháy chữa cháy sẽ được Nhà thầu áp dụng khi thi công công trình.
- ✓ *An toàn lao động*
  - Nhà thầu phải nêu biện pháp an toàn thi công đảm bảo phải tuân thủ các quy định về an toàn hiện hành của Nhà nước. Yêu cầu Nhà thầu chỉ rõ căn cứ áp dụng để làm cơ sở đánh giá.
- ✓ *Biện pháp đảm bảo an ninh công trường quản lý nhân sự, thiết bị, máy móc, vật tư*
  - Nhà thầu tự chịu trách nhiệm đảm bảo an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị máy móc, vật tư trong quá trình thi công.
  - Nhà thầu phải nêu biện pháp đảm bảo an ninh công trường quản lý nhân sự, thiết bị, máy móc, vật tư.
- ✓ *Hướng dẫn và sát hạch an toàn lao động*
  - Toàn bộ nhân lực thi công của Nhà thầu phải được hướng dẫn và sát hạch an toàn lao động theo quy định của Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh và pháp luật trước khi thi công.
  - Nhà thầu phải có quy trình, quy phạm hữu hiệu đối với công tác phòng chống cháy, nổ và có cam kết rõ ràng việc thực hiện quy trình, quy phạm này phù hợp với công việc thực hiện thi công để gây mất an toàn cháy, nổ như hàn điện, chạm chập điện.
  - Nhà thầu phải có đầy đủ trang thiết bị an toàn và tự chịu trách nhiệm an toàn lao động cho công nhân của mình, thiết bị và những người xung quanh.
  - Phải có cam kết chịu mọi trách nhiệm pháp lý nếu để xảy ra các sự cố chủ quan gây cháy nổ, mất an toàn lao động do không thực hiện đúng quy trình, quy phạm và các cam kết trên.
- f. *Bảo hành, bảo trì*
  - Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành miễn phí toàn bộ công trình trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng.
  - Thời gian bắt đầu tiến hành sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót chậm nhất sau 02 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư.

- Trong thời gian bảo hành có bất kỳ khiếm khuyết nào Nhà thầu phải sửa chữa lại đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo hợp đồng.
- Trong trường hợp Nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành, bên mời thầu buộc phải sửa chữa xử lý thì Nhà thầu phải chịu chi phí sửa chữa đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.
- Để đảm bảo tiến độ, chất lượng khắc phục các khiếm khuyết bảo hành, yêu cầu Nhà thầu nêu biện pháp tổ chức thực hiện trong HSĐT.



### Phần 3. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 13

#### THƯ CHẤP THUẬN E-HSĐT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_\_ (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_\_, Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu] với giá hợp đồng là \_\_\_\_\_ [giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_ [thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương VIII của E-HSMT với số tiền \_\_\_\_ và thời gian hiệu lực \_\_\_\_ [ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup> mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

*Ghi chú:*

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình

lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điện thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

## HỢP ĐỒNG

### PHẦN I: CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội;
- Quyết định số ..... của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu .....
- Căn cứ Biên bản thương thảo Hợp đồng ngày .....

### PHẦN II: CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày tháng năm 2025, chúng tôi gồm:

**BÊN A : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM  
– CTCP – TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT (PV POWER TSC)**

Địa chỉ : Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, Yên Hòa, , Thành phố Hà Nội.

Mã số thuế : 0102276173-009

Đại diện là : Ông Phạm Đức Nghĩa

Chức vụ : Phó Giám đốc

**BÊN B** : .....

Địa chỉ : .....

Mã số thuế : .....

Điện thoại : ..... Fax: .....

Tài khoản số : .....

Tại ngân hàng : .....

Đại diện là : .....

Chức vụ : .....

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp Đồng cung cấp Hàng Hóa và Dịch vụ với các nội dung sau.

#### **ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ, THUẬT NGỮ VÀ VIẾT TẮT**

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được diễn giải như sau:

- Bên A/ PV Power TSC:** Là Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.
- Bên B:** Là Nhà thầu

3. **Hợp đồng:** Là sự thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, thể hiện bằng văn bản này, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.
4. **Giá hợp đồng:** Là tổng số tiền mà Bên A phải trả cho Bên B theo Hợp đồng khi Bên B thực hiện đầy đủ và trọn vẹn nghĩa vụ Hợp đồng của mình.
5. **Hàng hóa:** Là các vật tư mà Bên B phải cung cấp cho Bên A theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.
6. **Công việc:** Là dịch vụ sửa chữa (bao gồm chuyên gia) trung tu hệ thống khớp nối thủy lực bơm nước cấp tổ máy số 1 NMTĐ Vũng Áng 1 năm 2026.
7. **Ngày:** Là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.
8. **Tuần:** Là 07 ngày.

## **ĐIỀU 2. THÀNH PHẦN HỢP ĐỒNG**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng:

- 2.1. Văn bản hợp đồng;
- 2.2. Các điều khoản của Hợp đồng;
- 2.3. E-HSMT, E-HSDT;
- 2.4. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
- 2.5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- 2.6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

## **ĐIỀU 3. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG:**

Bên A đồng ý giao và Bên B cam kết thực hiện Cung cấp vật tư và dịch vụ trung tu hệ thống khớp nối thủy lực bơm nước cấp tổ máy số 1 NMTĐ Vũng Áng 1 năm 2026. Phạm vi công việc chi tiết được quy định tại Phụ lục đính kèm Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 4. ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ CÁCH THỨC THỰC HIỆN:**

- 4.1. Địa điểm thực hiện: Tại Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 thuộc sự quản lý của Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh.

Địa chỉ: Xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh

- 4.2. Thời gian thực hiện công việc:
  - Đối với phần cung cấp vật tư: 24 tuần kể từ ngày ký Hợp đồng;
  - Đối với phần cung cấp dịch vụ (bao gồm chuyên gia): 15 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.
- 4.3. Cách thức thực hiện công việc:

- Trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B trình Bên A phê duyệt Hồ sơ an toàn sức khỏe môi trường.
- Bên B phải gửi cho Bên A danh sách, số lượng nhân sự, thiết bị công cụ dụng cụ, vật tư Bên B sử dụng tại công trường để Bên A làm thủ tục đăng ký ra vào Nhà máy (bao gồm cả thời gian và nhân lực làm thêm giờ, nếu cần thiết). Bên B phải huy động đầy đủ nhân sự, công cụ dụng cụ có mặt tại công trường để sẵn sàng triển khai thi công.
- Trường hợp Bên A nhận thấy Bên B không đáp ứng được tiến độ các mốc quan trọng dẫn đến có thể ảnh hưởng tiến độ tổng thể của kỳ sửa chữa, Bên A có quyền yêu cầu và Bên B phải có biện pháp bổ sung nhân lực, máy móc, thực hiện các biện pháp liên quan để đảm bảo tiến độ phù hợp. Trường hợp Bên B không đáp ứng được yêu cầu của Bên A, Bên A có quyền thuê bên thứ ba để xử lý, khắc phục ngay những phần việc đã và sẽ bị ảnh hưởng do việc không đáp ứng tiến độ của Bên B. Những chi phí liên quan sẽ được khấu trừ vào phần thanh toán cho Bên B.

## **ĐIỀU 5. LOẠI HỢP ĐỒNG, GIÁ HỢP ĐỒNG**

5.1. Loại hợp đồng: Trọn gói.

5.2. Tổng giá trị hợp đồng: .....VNĐ (đã bao gồm thuế GTGT). (*Bảng chữ.....*). Trong đó:

- Giá trị phân cung cấp vật tư:
- Giá trị phân cung cấp dịch vụ (bao gồm chuyên gia):

(*Chi tiết giá Hợp đồng tại Phụ lục 1 đính kèm Hợp đồng*)

Giá trị nêu trên đã bao gồm tiền Vật tư, dịch vụ, các loại thuế, phí, chi phí vận chuyển và bất kỳ chi phí phát sinh khác để Bên B thực hiện các nghĩa vụ theo quy định trong Hợp đồng.

5.3. Giá trị hợp đồng tại Điều 5.2 trên đây sẽ không được thay đổi trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng, Trong trường hợp chính sách của Nhà nước thay đổi thuế suất thuế GTGT, tại thời điểm xuất hóa đơn, nếu thuế suất thuế GTGT tăng thì đơn giá trước thuế sẽ được điều chỉnh giảm và nếu thuế suất thuế GTGT giảm thì đơn giá trước thuế sẽ được điều chỉnh tăng đảm bảo đơn giá đã bao gồm thuế GTGT không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng.

## **ĐIỀU 6. BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG :**

6.1 Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng, Bên B phải nộp cho Bên A bảo đảm thực hiện hợp đồng với nội dung yêu cầu như sau:

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng vô điều kiện không hủy ngang do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được Bên A chấp thuận phát hành.
  - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá trị Hợp đồng.
  - Hiệu lực: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Thư Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng được phát hành nhưng không muộn hơn 07 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và có hiệu lực đến ngày phát hành Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp đến ngày hết hạn của Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng mà Bên B chưa nộp Bảo lãnh bảo hành cho Bên A thì Bên B có trách nhiệm thực hiện gia hạn thời gian Bảo lãnh thực hiện hợp đồng thêm 30 ngày kể từ ngày Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng hết hạn.
- 6.2 Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng.  
Để tránh nhầm lẫn, việc chi trả Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng như trên sẽ không loại bỏ trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại của Bên B cho Bên A đối với các thiệt hại xảy ra với Bên A xuất phát từ lỗi của Bên B.
- 6.3 Trường hợp sau khi ký kết hợp đồng 10 ngày làm việc mà Bên B vẫn chưa nộp cho Bên A Bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì Bên B phải có văn bản thông báo cho Bên A lý do chậm trễ. Tuy nhiên, thời gian gia hạn thêm không quá 03 ngày làm việc. Sau thời điểm trên, Bên A sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng với Bên B.

## **ĐIỀU 7. HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC TẠM ỨNG, THANH TOÁN**

7.1 Hình thức thanh toán: chuyển khoản bằng tiền Việt Nam.

7.2 Tạm ứng:

Sau khi Hợp đồng có hiệu lực, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 10% giá trị Hợp đồng trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ bộ hồ sơ đề nghị tạm ứng của Bên B bao gồm như sau:

- Một (01) bản gốc Đề nghị tạm ứng của Bên B.
- Một (01) bản gốc Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.
- Một (01) bản gốc Bảo lãnh tiền tạm ứng vô điều kiện không hủy ngang có giá trị bằng 100% giá trị tạm ứng do Ngân hàng thương mại hợp pháp tại Việt Nam phát hành, có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng phát hành bảo lãnh đến ngày Bên A thu hồi hết toàn bộ số tiền tạm ứng hoặc đến ngày 31/10/2026. Trường hợp đến ngày hết hạn của Bảo lãnh tiền tạm ứng mà Bên A chưa thu hồi được toàn bộ tiền đã tạm ứng thì Bên B có trách nhiệm thực hiện gia hạn thời gian Bảo lãnh

tiền tạm ứng đến thời điểm Bên A thu hồi toàn bộ tiền đã tạm ứng cho Bên B.

### 7.3 Thanh toán

Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị của Hợp đồng căn cứ khối lượng công việc thực tế hoàn thành được hai bên thống nhất và ghi nhận giá trị tại Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành sau khi đã thu hồi toàn bộ giá trị tạm ứng. Việc thanh toán sẽ được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán hoàn chỉnh. Hồ sơ thanh toán bao gồm các chứng từ và tài liệu sau:

- i. Một (01) bản gốc **Đề nghị thanh toán** ghi rõ số tiền đề nghị thanh toán, số tài khoản, đơn vị hưởng;
- ii. Một (01) bản gốc **Hoá đơn Tài chính** hợp pháp, hợp lệ ghi rõ 100% giá trị hạng mục công việc được ghi nhận tại các **Biên bản nghiệm thu giá trị**;
- iii. Một (01) bản gốc hoặc bản sao được công chứng/chứng thực **Giấy Chứng nhận Chất lượng (CQ)** của nhà sản xuất chứng nhận vật tư thay thế cung cấp cho Bên A có các đặc tính kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn chế tạo của nhà sản xuất.
- iv. Một (01) bản gốc hoặc bản sao được công chứng/chứng thực **Giấy Chứng nhận Xuất xứ Hàng Hóa (CO)** do Phòng Thương mại hoặc/và Công nghiệp của quốc gia sản xuất hoặc xuất khẩu cấp
- v. Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu bàn giao vật tư** được đại diện có thẩm quyền của hai Bên cùng ký xác nhận;
- vi. Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu giá trị vật tư** được đại diện có thẩm quyền của hai Bên cùng ký xác nhận;
- vii. Một (01) bản gốc **Báo cáo cuối cùng của chuyên gia** sau khi kết thúc kỳ sửa chữa.
- viii. Một (01) bản sao **Trang hộ chiếu của chuyên gia** được đóng dấu bởi cơ quan có thẩm quyền thể hiện thời gian xuất nhập cảnh cho các lần huy động hoặc bản sao **Giấy cấp visa lao động cho chuyên gia** (đối với chuyên gia nước ngoài);
- ix. Một (01) bản gốc **Bảng xác nhận tổng tiến độ thi công thực tế** được đại diện có thẩm quyền của hai Bên cùng ký xác nhận;
- x. Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành** được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận;
- xi. Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành** được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận;
- xii. Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng** được đại diện của hai Bên cùng ký xác nhận;
- xiii. Một (01) bản gốc **Biên bản phạt chậm tiến độ, phạt vi phạm ATSKMT, bồi**

- thường thiệt hại** được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận (nếu có);
- xiv. Một (01) bản gốc **Bảo lãnh Bảo hành** vô điều kiện không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, giá trị bảo lãnh là 05% giá trị quyết toán phần vật tư (15% đối với vật tư tương đương);
- xv. Một (01) bản gốc **Bảo lãnh Bảo hành** vô điều kiện không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, giá trị bảo lãnh là 05% giá trị quyết toán phần dịch vụ;
- xvi. Một (01) bản gốc **Giấy cam kết Bảo hành** (đối với phần vật tư) được phát hành bởi Bên B với thời gian Bảo hành tối thiểu là 12 tháng (24 tháng đối với vật tư tương đương) tính từ ngày ký **Biên bản nghiệm thu bàn giao vật tư** ;
- xvii. Một (01) bản gốc **Giấy cam kết Bảo hành** (đối với phần dịch vụ) được phát hành bởi Bên B với thời gian Bảo hành tối thiểu là 06 tháng tính từ ngày ký **Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng**;
- xviii. Một (01) bản gốc **Biên bản Quyết toán hợp đồng** (được đại diện có thẩm quyền của các Bên cùng ký xác nhận);
- xix. Một (01) bản gốc **Biên bản Thanh lý hợp đồng** được đại diện có thẩm quyền của các Bên cùng ký xác nhận.

7.4 Thông tin Hóa đơn thuế GTGT: Hóa đơn thuế GTGT cho Bên A được xuất theo tên, địa chỉ và mã số thuế như sau:

- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật;
- Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;
- Mã số thuế: 0102276173-009.

## **ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

- Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước năm (05) ngày làm việc về thời gian dự tính Hàng Hóa sẽ sẵn sàng để có thể giao cho Bên A tại Địa điểm giao nhận hàng.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Hợp đồng của Bên B và yêu cầu Bên B báo cáo, cung cấp các tài liệu có liên quan trong quá trình triển khai Hợp đồng.
- Tổ chức hướng dẫn an toàn, nội quy, quy định lao động và cấp thẻ ra/vào Công trường cho nhân sự của Bên B thực hiện công việc. Bên A sẽ thông báo cho Bên B thời gian tổ chức hướng dẫn an toàn, nội quy, quy định lao động trước ngày bắt đầu thực hiện công việc 02 (hai) ngày. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm nếu

có bất kỳ chậm trễ phát sinh nào gây ra do Bên B chậm trễ trong việc cử nhân sự của mình tham gia đào tạo về nội quy làm việc, quy định an toàn lao động như quy định nêu trên.

- Tạo điều kiện thuận lợi trong phạm vi có thể (bao gồm cung cấp cho Bên B các hồ sơ, tài liệu mà Bên A có liên quan; nguồn điện, nguồn nước, mặt bằng, thiết bị nâng hạ hiện có) để Bên B thực hiện công việc.
- Xem xét, thông qua kế hoạch, biện pháp thi công, biện pháp an toàn, tiến độ thi công chi tiết cho phạm vi công việc sửa chữa theo quy định tại Phụ lục 1 trên cơ sở đề xuất của Bên B.
- Cử cán bộ chuyên trách giám sát thường xuyên tại Công trường để cùng với Bên B giải quyết các vướng mắc (nếu có) và xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện, thời gian thực hiện thực tế của Bên B.
- Thông báo và cung cấp kịp thời cho Bên B các thông tin thay đổi về yêu cầu của Bên A trên cơ sở quy định Hợp đồng (nếu có) Chấm dứt Hợp đồng khi Bên B vi phạm các điều khoản quy định trong Hợp đồng này.
- Từ chối thanh toán khi Bên B không tuân thủ các quy định của Hợp đồng.
- Tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng này.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

- Bằng chi phí của mình, Bên B chịu toàn bộ trách nhiệm về việc trả các khoản phí và lệ phí phát sinh trong quá trình vận chuyển, giao nhận và nghiệm thu Hàng hoá theo quy định.
- Hàng hóa cung cấp, lắp đặt phù hợp và tương thích với thiết bị hiện hữu của Nhà máy.
- Nhân sự của Bên B phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp, có kinh nghiệm làm việc thực tế với Phạm vi công việc.
- Bên B nghiệm thu và bàn giao Hàng hoá tại kho Nhà máy điện Vũng Áng 1, xóm Hải Phong, xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Bên B có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các chứng từ liên quan kèm theo cho Bên A trong quá trình bàn giao và nghiệm thu Hàng hoá.
- Thông báo thời gian giao hàng cho Bên A trước 03 (ba) ngày làm việc.

- Bên B có trách nhiệm cung cấp cho Bên A, tài liệu hướng dẫn sử dụng và các tài liệu khác kèm theo Hàng hoá của Nhà sản xuất (nếu có).
- Chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung biện pháp thi công, biện pháp an toàn, tiến độ thi công chi tiết liên quan phạm vi công việc được giao ngay cả trong trường hợp các bên liên quan đã thông qua.
- Nhà thầu phải tuyệt đối tuân thủ các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ và giữ gìn vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thi công trên công trường theo quy định hiện hành của Bên mời thầu/PV Power Ha Tinh (hiện tại đang áp dụng Quyết định số 46/QĐ-ĐLDKHT ngày 10/01/2023 đính kèm, trong trường hợp có cập nhật thay đổi nhà thầu sẽ phải tuân thủ theo quy định mới). Trường hợp Nhà thầu vi phạm quy định ATSKMT, Nhà thầu sẽ bị phạt theo quy định.
- Tập kết toàn bộ nhân lực để thực hiện công việc của Hợp đồng trước 02 (hai) ngày tại Nhà máy để Bên A đào tạo hướng dẫn an toàn, nội quy, quy định lao động.
- Trang bị bảo hộ lao động, đồng phục đầy đủ, mua bảo hiểm bắt buộc cho tất cả các nhân sự của Bên B theo quy định Nhà nước (nếu có) và Bên A khi tham gia thực hiện Hợp đồng.
- Cung cấp vật tư tiêu hao, vật liệu phụ đáp ứng số lượng, chủng loại và cung cấp máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn lao động để đảm bảo chất lượng thi công.
- Cam kết và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và hợp pháp của toàn bộ nhân sự, vật tư, máy móc, thiết bị, công cụ dụng cụ và của hồ sơ, tài liệu, chứng từ do Bên B cung cấp trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Cử nhân sự phối hợp với Bên A trong công tác kiểm tra, nghiệm thu, chạy thử và xác nhận vật tư trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Mua bảo hiểm theo quy định hiện hành (bao gồm nhưng không giới hạn bảo hiểm cho người lao động, thiết bị thi công, ...) và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc trang bị vật tư, thiết bị, đảm bảo an toàn lao động cho con người, trật tự an ninh xã hội trong thời gian thực hiện Hợp đồng.
- Thông báo ngay cho Bên A và các tổ chức, cá nhân có liên quan khi xảy ra sự cố.

- Dọn dẹp vệ sinh hiện trường và trả lại nguyên trạng như ban đầu ngay sau mỗi lần thực hiện kết thúc công tác bảo dưỡng, sửa chữa.
- Đối với các vật tư hàng hóa dễ cháy nổ, khi đưa vào công trường phải báo cáo và được sự cho phép của Bên A.
- Tuân thủ vấn đề vệ sinh, môi trường theo quy định của Bên A và các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Tuân thủ đầy đủ nội dung “Quy định về kiểm tra, giám sát an toàn và xử lý các hành vi vi phạm nội quy, quy định ATSKMT tại Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1” theo các quy định hiện hành đang áp dụng.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và quy định tại các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này.

### **ĐIỀU 10. YÊU CẦU VỀ CHUYÊN GIA:**

10.1 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu chuyên gia của Bên B không đáp ứng được công việc như quy định tại của Hợp đồng, Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay chuyên gia. Chuyên gia mới phải có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu theo quy định của hợp đồng. Trong thời hạn (05) năm ngày kể từ ngày Bên A thông báo, chuyên gia mới phải có mặt tại công trường. Mọi chi phí về việc thay đổi chuyên gia do Bên B chịu trách nhiệm.

10.2 Mọi Tài liệu/bản vẽ kỹ thuật, Tài liệu hướng dẫn lắp đặt, Tài liệu hướng dẫn sử dụng để phục vụ cho việc hướng dẫn, giám sát, tháo lắp, sửa chữa, căn chỉnh, chạy thử, nghiệm thu, v.v. của chuyên gia phải được Bên B chuẩn bị đầy đủ trước khi thực hiện công việc.

10.3 Thời gian làm việc:

- Làm liên tục từ khi bắt đầu huy động cho đến khi hoàn thành công việc, bao gồm cả thứ 7, Chủ nhật và ngày Lễ.
- Thời gian và số giờ làm việc từng ngày, tuân thủ theo lịch làm việc tuần chi tiết do Bên A cung cấp cho Bên B vào ngày thứ 6 hàng tuần. Bên A có quyền huy động kể cả thứ 7, Chủ nhật, ngày Lễ, Tết. Số giờ làm việc của mỗi chuyên gia trong ngày không quá mười hai (12) tiếng;
- Bất kể sự thay đổi nào về lịch làm việc tuần của chuyên gia, Bên A có trách nhiệm thông báo Bên B trước 02 ngày, Bên B có trách nhiệm phối hợp, thực hiện đúng.
- Thời gian làm việc hàng ngày là 8 tiếng (không bao gồm 01 tiếng nghỉ trưa). Khoảng thời gian huy động được phép bắt đầu từ 07h00 đến 21h00 tùy thuộc vào công việc

thực tế cho đến khi vận hành, chạy thử nghiệm.

## **ĐIỀU 11. QUY ĐỊNH VỀ NGHIỆM THU**

### 11.1 Nghiệm thu vật tư:

- Vật tư cung cấp sẽ được nghiệm thu khi Bên B giao đầy đủ số lượng, chủng loại đáp ứng đầy đủ đặc tính kỹ thuật, mã hiệu, theo mẫu thảo/bản vẽ, có Giấy Chứng nhận Chất lượng (CQ), Giấy Chứng nhận Xuất xứ (CO) theo quy định và được ghi nhận tại Biên bản nghiệm thu bàn giao vật tư.
- Các vật tư thay thế này chỉ được lắp đặt lên thiết bị sau khi được Bên A nghiệm thu kỹ thuật và thông qua.

### 11.2 Nghiệm thu dịch vụ:

- Nghiệm thu hoàn thành sau sửa chữa: Sau khi Bên B hoàn thành phạm vi công việc theo quy định, hai Bên sẽ tiến hành nghiệm thu tĩnh và thống nhất ký Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.
- Nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng: hệ thống sau khi đã thi công xong toàn bộ công trình và tổng hợp đầy đủ các biên bản lắp đặt, nghiệm thu hoàn thành lắp đặt và kết quả/thông số vận hành sau khi thực hiện vận hành tin cậy 72h, hai Bên sẽ tiến hành ký kết Biên bản nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng.
- Bên A có quyền từ chối nghiệm thu dịch vụ nếu thi công không đạt chất lượng theo yêu cầu của Bên A theo quy định của Hợp đồng hoặc khi thiết bị không đạt đủ thông số vận hành. Trong trường hợp này, Bên B bằng chi phí của mình, có trách nhiệm thực hiện lại công tác lắp đặt, cấu hình hệ thống.

## **ĐIỀU 12. NHÀ THẦU PHỤ**

- Bên B được ký kết hợp đồng thuê các Nhà thầu phụ để thực hiện một phần công việc trong phạm vi công việc. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B. Bên B phải chịu trách nhiệm trước Bên A về số lượng, chất lượng, tiến độ cung cấp hàng hóa, dịch vụ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.
- Trường hợp thay thế nhà thầu phụ, Bên B chỉ được thực hiện thay thế khi có sự chấp thuận của Bên A.
- Khi có yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ phải cung cấp các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của các nhà thầu phụ để thực hiện công việc được giao.

## **ĐIỀU 13. NHÂN SỰ CHỦ CHỐT:**

Bên B phải huy động tất cả nhân sự tối thiểu theo danh sách nhân sự chủ chốt để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Bên A có thỏa thuận khác. Trong đó:

- Bên B không được thay thế nhân sự chủ chốt (chỉ huy trưởng công trường, cán bộ giám sát kỹ thuật, tổ trưởng chuyên môn) trừ những trường hợp ốm đau, mất khả năng lao động,... Trong trường hợp này, Bên B đề xuất thay đổi nhân sự bằng văn bản (kèm theo hồ sơ năng lực, các chứng chỉ liên quan đến nhân sự mới tương ứng với vị trí nhân sự thay đổi) gửi Bên A xem xét chấp thuận, Bên B chỉ được thay thế nhân sự chủ chốt sau khi được Bên A chấp thuận. Nhân sự chủ chốt thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Trong trường hợp này, Bên B phải cung cấp các tài liệu sau:
  - + Bản sao được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn.
  - + Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm của nhân sự.
  - + Tài liệu chứng minh cho trường hợp ốm đau, mất khả năng lao động có xác nhận của bệnh viện, cơ quan có thẩm quyền.
- Nhân sự của Bên B phải đảm bảo:
  - + Có đủ năng lực và kinh nghiệm, bằng cấp, chứng chỉ liên quan;
  - + Được huấn luyện, đào tạo và đáp ứng các yêu cầu về an toàn trước khi thực hiện công việc;
  - + Tuân thủ các quy trình an toàn của Bên A trong quá trình thực hiện.
- Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay đổi bất kỳ nhân sự nào của Bên B và nhà thầu phụ của Bên B khi có bằng chứng chứng minh nhân sự của Bên B hoặc nhà thầu phụ của Bên B vi phạm một trong các trường hợp sau:
  - + Không bảo đảm năng lực chuyên môn để thực hiện công việc theo Hợp đồng;
  - + Có những biểu hiện không tốt về hành vi, hạnh kiểm (như say rượu, gây gổ, đánh người, cư xử thiếu văn hóa, xâm phạm tài sản...); vi phạm pháp luật từ mức bị lập biên bản vi phạm bởi cơ quan bảo vệ pháp luật địa phương trở lên;
  - + Vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của Hợp đồng;
  - + Không có biện pháp tích cực và đúng đắn bảo đảm an toàn trong công việc, hoặc để xảy ra tai nạn chủ quan cho người và thiết bị nhưng không kịp thời, nhanh chóng khắc phục hậu quả;
  - + Không có tinh thần hợp tác tích cực với Bên A để thực hiện ngay công tác bảo trì sửa chữa hệ thống/thiết bị (trong sửa chữa định kỳ, sự cố) nhằm bảo đảm

nhANH chóng đƯA Nhà máy/hệ thống/thiết bị trở lại vận hành.

- Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Bên A, trong vòng 03 ngày làm việc, Bên B phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên B chịu.

#### **ĐIỀU 14. BỔ SUNG HỢP ĐỒNG VÀ QUY TRÌNH XỬ LÝ KHI CÓ PHÁT SINH**

- Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong trường hợp phát sinh bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong Hợp đồng này. Hai bên sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết Sửa đổi, Bổ sung Hợp đồng.
- Đối với các công việc phát sinh tăng ngoài phạm vi công việc quy định nhưng thuộc phạm vi hệ thống thiết bị do Bên B phụ trách thực hiện theo Hợp đồng này, Bên B thực hiện theo trình tự sau:
  - i. Tiếp nhận thông tin về phát sinh công việc từ Bên A.
  - ii. Khảo sát thực tế và phân tích khả năng thực hiện công việc, lập phương án kỹ thuật, tiến độ thi công và dự trù vật tư, thiết bị.
  - iii. Lập bản chào giá.
  - iv. Sau khi Bên A xem xét bản chào, hai bên tiến hành thương thảo, thống nhất việc thực hiện công việc với Bên A bằng Sửa đổi, Bổ sung Hợp đồng để thể hiện Bên A cho phép Bên B thực hiện công việc ngoài phạm vi dịch vụ.
  - v. Chuẩn bị thi công: Thực hiện các công tác chuẩn bị vật tư, vật liệu, thiết bị, máy thi công và nhân lực thi công khi được phép của Bên A.
  - vi. Thực hiện công việc: Bên B tiến hành thực hiện các công việc đã được thống nhất với Bên A.
  - vii. Nghiệm thu sau khi hoàn thành: Nghiệm thu quá trình thực hiện công việc theo đúng các quy trình hiện hành của Bên A và Hợp đồng giữa các bên (nếu có).
  - viii. Giá trị phát sinh được thanh toán trên cơ sở hai bên thống nhất tại Sửa đổi Bổ sung Hợp đồng.
- Trong trường hợp do yêu cầu của Bên A dẫn đến việc Bên B không triển khai hạng mục công việc thuộc phạm vi công việc quy định tại 2 thì các Bên thống nhất bằng Biên bản phát sinh giảm được đại diện có thẩm quyền ký xác nhận.

Bên A không phải thanh toán cho các hạng mục phát sinh giảm và được giảm trừ thanh toán theo giá trị tương ứng quy định trong Phụ lục 2 của Hợp đồng.

## **ĐIỀU 15. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI**

15.1 Phạt chậm tiến độ Hợp đồng: Mức phạt chậm tiến độ thực hiện hợp đồng tối đa khi Bên B vi phạm Hợp đồng gây thiệt hại cho Bên A là 8% giá trị phần công việc chậm tiến độ trước thuế. Nếu Bên B do lỗi của mình dẫn đến chậm tiến độ thực hiện Hợp đồng thì mức phạt đối với mỗi hạng mục chậm tiến độ được áp dụng như sau:

- Mức khấu trừ: 01%/ngày của giá trị hạng mục thực hiện chậm.
- Mức khấu trừ tối đa: 08% giá trị Dịch vụ chậm tiến độ trước thuế.
- Thời gian phạt chậm tiến độ được tính kể từ ngày nghiệm thu khối lượng hoàn thành công việc sau sửa chữa.

15.2 Phạt vi phạm An toàn – Sức khỏe – Môi trường: Nếu Bên B chậm trễ trong việc trình Hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng này thì mức phạt áp dụng như sau kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực:

- Từ ngày thứ 15 đến ngày thứ 20: Phạt 50.000.000 VNĐ (Năm mươi triệu VNĐ);
- Từ ngày thứ 21 đến ngày 29: Phạt 100.000.000 VNĐ (Một trăm triệu VNĐ);
- Từ ngày thứ 30 trở lên: Phạt 150.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi triệu VNĐ).

15.3 Phạt vi phạm về nhân sự thực hiện Hợp đồng: Nếu Bên B vi phạm trong việc thay thế nhân sự theo quy định tại Điều 11 Hợp đồng này thì mức phạt áp dụng như sau:

- Trường hợp Bên B thay đổi quá 30% tổng số nhân sự trực tiếp thực hiện Hợp đồng này: Mức phạt 10.000.000 VNĐ/người/lần/vị trí công tác (Mười triệu VNĐ/người/lần/vị trí công tác).
- Trường hợp Bên B thay đổi nhân sự lần thứ 2 cho 1 vị trí mà không chứng minh được lý do bắt buộc thay thế: Mức phạt 15.000.000 VNĐ/người/lần/vị trí công tác (mười lăm triệu VNĐ/người/lần/vị trí công tác).

15.4 Bồi thường thiệt hại: Trường hợp Bên B vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho Bên A thì ngoài trách nhiệm phạt vi phạm, Bên B phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại trực tiếp Bên A gặp phải.

## **ĐIỀU 16. BẢO HÀNH**

- Yêu cầu về bảo hành:

- + Giấy cam kết Bảo hành (đối với phần vật tư) được phát hành bởi Bên B với thời gian Bảo hành tối thiểu là 12 tháng (24 tháng đối với vật tư tương đương) tính từ ngày ký Biên bản nghiệm thu bàn giao vật tư ;
- + Giấy cam kết Bảo hành (đối với phần dịch vụ) được phát hành bởi Bên B với thời gian Bảo hành tối thiểu là 06 tháng tính từ ngày ký Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng;
- + Bảo lãnh Bảo hành vô điều kiện không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, giá trị bảo lãnh là 05% giá trị quyết toán phần vật tư (15% đối với vật tư tương đương);
- + Bảo lãnh Bảo hành vô điều kiện không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, giá trị bảo lãnh là 05% giá trị quyết toán phần dịch vụ.
- Bên A có quyền rút Bảo lãnh bảo hành nếu trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm nhận được văn bản thông báo của Bên A, Bên B không tiến hành sửa chữa, thay thế hàng hóa và hoặc phần dịch vụ bị hư hỏng. Để tránh nhầm lẫn, việc rút bảo lãnh thực bảo hành như trên sẽ không loại bỏ trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại của Bên B cho Bên A đối với các thiệt hại xảy ra của Bên A xuất phát từ lỗi của Bên B.
- Bảo lãnh bảo hành sẽ tự động hết hiệu lực khi đến ngày hết có hiệu lực không phụ thuộc vào việc Bên A có hoàn trả bản gốc bảo lãnh cho Bên B hay không. Tuy nhiên, trong trường hợp cần thiết, Bên B có thể yêu cầu Bên A bằng văn bản hoàn trả bản gốc. Trong trường hợp này, Bên A chậm nhất trong vòng 05 ngày làm việc sẽ hoàn trả bản gốc Bảo lãnh bảo hành cho Bên B.

## **ĐIỀU 17. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

17.1 Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về Hợp đồng như sau:

- a) Bên A hoặc Bên B vi phạm cơ bản các nghĩa vụ trong Hợp đồng;
- b) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
- c) Xảy ra sự kiện bất khả kháng;
- d) Bên A hoặc Bên B bị phá sản, giải thể.

17.2 Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ Hợp đồng theo điểm a và b Điều 17.1, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác

để thực hiện phần Hợp Đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp Đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần Hợp đồng do mình thực hiện. Trường hợp Bên A không ký được Hợp đồng với Nhà cung cấp khác để thực hiện phần Hợp đồng bị chấm dứt nêu trên thì Bên B phải chịu phạt không giao hàng cho phần hợp đồng không thực hiện với tỷ lệ phạt là 8% (tám phần trăm) giá trị phần Hợp đồng không thực hiện;

17.3 Trong trường hợp Bên A hoặc Bên B chấm dứt Hợp đồng theo điểm d Điều 17.1, Bên còn lại không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của các bên được hưởng theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

### **ĐIỀU 18. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG**

- Trong Hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.
- Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.
- Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Bên A phải xem xét để bồi hoàn cho Bên B các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.
- Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.
- Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 19.

### **ĐIỀU 19. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

- Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết thông qua Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền, luật điều chỉnh Hợp Đồng là luật Việt Nam. Mọi chi phí liên quan do Tòa quyết định.

## **ĐIỀU 20. ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

- Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và kết thúc khi hai bên thực hiện xong các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định trong Hợp đồng này (trừ điều khoản bảo hành).
- Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào có liên quan tới Hợp Đồng này đều phải được cả hai bên thỏa thuận bằng văn bản.
- Những vấn đề không được quy định trong Hợp Đồng này sẽ tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Các Phụ lục đính kèm là bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng này. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng với các Phụ lục thì nội dung các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng sẽ được ưu tiên thi hành.
- Hợp Đồng này được lập thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ hai (02) bản, Bên B giữ hai (02) bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

Mẫu số 15

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”);<sup>(1)</sup>

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ [ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_\_ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số \_\_\_\_\_ [ghi số hợp đồng] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

**Mẫu số 16**

**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG <sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

[*ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, \_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>*] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 12.1 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ <sup>(3)</sup> hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 12.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày hoàn thành việc cung cấp dịch vụ quy định trong hợp đồng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

**GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do \_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

*[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;*

*- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp]<sup>(2)</sup>.*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu]. \_\_\_\_ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Chủ đầu tư giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu (nếu có)]

**Người ủy quyền**

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của  
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu

hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

**Phụ lục 1. VẬT TƯ DỰ PHÒNG THAY THẾ PHỤC VỤ CÔNG TÁC TRUNG TU HỆ THỐNG KHỚP NỐI THỦY LỰC**

TT	Mã vật tư	Tên vật tư/mô tả	KKS	Đơn vị	Số lượng đề xuất	Thông số kỹ thuật	Mã đặt hàng/ Bản vẽ (PARTS NO)	Ghi chú
		<b>Khớp nối thủy lực bơm nước cấp- R18K500M - KSB SHA S56 Vietnam Vung Ang</b>	10LAC33AP001					
1	51935003	fusible plug		Cái	2	M12X12 180C 10.9	TCR41336730	
2	58810030	filter element		Cái	1	TLF I 3-40G25	TCR4188931007	
3	58810029	filter element		Cái	2	01.NL630.25G. EDELSTAHL	TCR42218810	
4	23010031	cyl.compr.spring		Cái	1	6,3X40X195 40581260	TCR03210108	
5	48536031	seal ring		Cái	1	A64X72 CU	TCR03658065	
6	23010032	cyl.compr.spring		Cái	1	6X40X150	TCR42453050	
7	48536032	seal ring		Cái	1	A64X72 CU	TCR03658065	
8	56567001	washer		Cái	4	17 ST A3C	TCR03103132	
9	48536033	seal ring		Cái	1	A14X22 AL	TCR03658015	
10	48536034	seal ring		Cái	7	A17X21 AL	TCR03658017	
11	47252001	roll pin		Cái	2	4X20 FED.ST	TCR03130033	
12	47252002	roll pin		Cái	2	10X20 FED.ST	TCR03130078	
13	48875026	o-ring		Cái	3	180X5B NBR 70	TCR03645180	
14	46940019	socket head screw		Cái	1	M6X25 10.9	TCR03014047	
15	48536035	seal ring		Cái	1	A48X55 AL	TCR03658048	
16	48536034	seal ring		Cái	1	A17X21 AL	TCR03658017	
17	48875017	seal ring		Cái	1	A27X32 AL	TCR03658028	
18	48875018	o-ring		Cái	1	345X4 FPM 80	TCR03646345	
19	48875019	o-ring		Cái	1	26X3B FPM 70	TCR03646033	
20	48536036	seal ring		Cái	1	A14X18 CU	TCR03656017	
21	48875020	o-ring		Cái	1	58,0X3,0 FPM 80	TCR03646117	
22	56567002	spring washer		Cái	6	8,4X13,5X0,5 FED.ST	TCR03111084	
23	46940020	socket head screw		Cái	10	M12X55 10.9	TCR03014755	
24	47252003	roll pin		Cái	1	3X24 FED.ST	TCR03130024	
25	47252004	roll pin		Cái	1	4X10 FED.ST	TCR03130028	
26	32022024	circlip		Cái	1	140X4 FED.ST	TCR03171140	
27	48875021	o-ring		Cái	1	165X4B NBR 70	TCR03645165	
28	48875022	o-ring		Cái	2	284X6N NBR 70	TCR03645284	
29	48875023	o-ring		Cái	3	34,2X3 NBR 70	TCR03645036	
30	48875024	o-ring		Cái	6	133X4,5B FPM 70	TCR03646222	
31	48554073	seal -		Cái	2	SAE 5Z AF6 VN1641 AF6	TCR42021520	
32	48875025	o-ring		Cái	1	290X5 NBR 70	TCR41780130	
33	48875026	o-ring		Cái	1	180X5B NBR 70	TCR03645180	
34	48875027	o-ring		Cái	1	410X5B NBR 70	TCR03645411	
35	48875028	o-ring		Cái	1	238X5B NBR 70	TCR03645238	
36	48875033	o-ring		Cái	1	110X4B NBR 70	TCR03645111	
37	48875018	o-ring		Cái	1	345X4 FPM 80	TCR03646345	
38	47252004	roll pin		Cái	2	4X10 FED.ST	TCR03130028	

**Phụ lục 1. VẬT TƯ DỰ PHÒNG THAY THỂ PHỤC VỤ CÔNG TÁC TRUNG TU HỆ THỐNG KHỚP NỘI THỦY LỰC**

TT	Mã vật tư	Tên vật tư/mô tả	KKS	Đơn vị	Số lượng đề xuất	Thông số kỹ thuật	Mã đặt hàng/ Bản vẽ (PARTS NO)	Ghi chú
39	48875029	o-ring		Cái	1	20X3B NBR 70	TCR03645020	
40	48875032	o-ring		Cái	2	186X5 NBR 70	TCR03645186	
41	47252004	roll pin		Cái	5	4X10 FED.ST	TCR03130028	
42	48552002	snap ring		Cái	1	B50 FEDST	TCR03172950	
43	48532307	guide ring		Cái	1	45/50X9,7 B&S T 47	TCR03646645	
44	48542001	Quadrang		Cái	1	44,05X 3,53 QRAR04224 N7004	TCR03646624	
45	48875034	o-ring		Cái	1	10X4 FPM 80	TCR03645009	
46	48875035	o-ring		Cái	1	150X3B NBR 70	TCR03645150	
47	48875036	o-ring		Cái	1	6X2B FPM 80	TCR03646006	
48	48552003	snap ring		Cái	1	B38 FEDST	TCR03172938	
49	48532312	guide ring		Cái	1	32/37X5,6 B&S T 47	TCR03646632	
50	48554074	Quadrang		Cái	1	31,35X 3,53 QRAR04218 N7004	TCR03646618	
51	48875037	o-ring		Cái	1	22X3B 72 NBR 872	TCR03645022	
52	32022026	circlip		Cái	1	28X1,5 CUSN6-M	H01234671	
53	32022027	circlip		Cái	4	16X1 CUSN6-M	H01234673	
54	32022028	circlip		Cái	6	20X1,2 CUSN6-M	H01234674	
55	47252007	roll pin		Cái	1	4X50 A2	TCR03130451	
56	47006001	washer		Cái	6	A8,4 A4	TCR03103086	
57	48554075	fiber seal		Cái	3	18/8DX5 REIFF	TCR03625018	
58	48536037	seal ring		Cái	2	A14X18 AL	TCR03656014	
59	48536038	seal ring		Cái	1	A21X26 AL	TCR03658021	
60	48890019	bloc-type rubber element		Cái	2	27859 65SHORE 65 SH / 1.4571	TCR42561530	
61	48890020	Glockenelement		Cái	4	FORM27994 65S	TCR42588010	
62	23010033	compression spring		Cái	9	0,8X4,2X25 STAHL VERZINKT	20401000210	
63	23010033	compression spring		Cái	5	0,8X4,2X25 STAHL VERZINKT	20401000210	
64	48875017	seal ring		Cái	4	A27X32 AL	TCR03658028	
65	48536039	seal ring		Cái	1	A75X84 CU	TCR03658066	
66	48536040	sealing tape		Cái	5	3,0x0,7 PTFE	20102270710	
67	48836004	seal ring		Cái	2	A42X49 AL	TCR03658042	
68	48532318	flat seal ring		Cái	1	32PN40 AF 6	TCR03660026	
69	48875038	o ring		Cái	2	R69	TCR4201316003	
70	48536043	shaft seal ring		Cái	1	SV45X60X7-R69	TCR4201316004	
71	48875039	hose clip		Cái	1	A-25-40X9W5	H01066542	
72	48875040	o-ring		Cái	2	14X2B NBR 70	TCR03645014	
73	48875041	o-ring		Cái	2	60X3,5 N NBR 70	TCR03645167	
74	48875042	o-ring		Cái	2	124X3 FPM 75	TCR03646124	
75	48875043	o-ring		Cái	1	24X3B FPM 80	TCR03646024	
76	48875046	o-ring		Cái	2	115X3B NBR 70	TCR03645115	
77	48875047	o-ring		Cái	1	95X4,0 NBR 70	TCR03645195	
78	48875048	o-ring		Cái	1	33X3,5 NBR 70	TCR03645121	

**Phụ lục 1. VẬT TƯ DỰ PHÒNG THAY THẾ PHỤC VỤ CÔNG TÁC TRUNG TU HỆ THỐNG KHỚP NỐI THỦY LỰC**

TT	Mã vật tư	Tên vật tư/mô tả	KKS	Đơn vị	Số lượng đề xuất	Thông số kỹ thuật	Mã đặt hàng/ Bản vẽ (PARTS NO)	Ghi chú
79	48875049	o-ring		Cái	2	69,45X3,55 N NBR 90	TCR03645168	
80	48536037	seal ring		Cái	4	A14X18 AL	TCR03656014	
81	48536041	seal ring		Cái	2	A18X24 AL	TCR03658018	
82	48536042	seal ring		Cái	2	A27X35CU	H01004467	
83	48521027	seal -		Cái	1	200/85/2 AF6 VN1641	TCR42243890	
84	48521029	seal -		Cái	2	0,5X105X115 AF6 VN1641	TCR42244720	
85	48536044	seal ring		Cái	2	A-27X32 CU	H01004466	
86	48532314	flat seal ring		Cái	2	F.ANSI 2Z AF 6	TCR03660509	
87	48532315	flat seal ring		Cái	1	80PN40 AF 6	TCR03661083	
88	48532315	flat seal ring		Cái	1	80PN40 AF 6	TCR03661083	
89	48532316	flat seal ring		Cái	1	50PN40 AF 6	TCR03660028	
90	48532317	flat seal ring		Cái	1	100PN16 AF 6	TCR03660080	
91	48532317	flat seal ring		Cái	1	100PN16 AF 6	TCR03660080	
92	48532316	flat seal ring		Cái	1	50PN40 AF 6	TCR03660028	
93	48532315	flat seal ring		Cái	1	80PN40 AF 6	TCR03661083	
94	48532316	flat seal ring		Cái	1	50PN40 AF 6	TCR03660028	
95	48532316	flat seal ring		Cái	1	50PN40 AF 6	TCR03660028	
96	48532315	flat seal ring		Cái	1	80PN40 AF 6	TCR03661083	
97	48532318	flat seal ring		Cái	2	32PN40 AF 6	TCR03660026	
98	34912001	valve piston -		Cái	1	61DX90 ST52-3N	TCR42010480	
99	34912001	valve piston -		Cái	1	61DX90 ST52-3N	TCR42010480	
100	50396054	bearing shell		Cái	2	20.500.766.710	20.500.766.710	
101	50396055	bearing shell		Cái	2	20.500.767.510	20.500.767.510	
102	47252005	roll pin		Cái	2	TCR.03130072	TCR.03130072	
103	50401006	thrust bearing		Cái	2	20.500.798.410	20.500.798.410	
104	50396059	bearing bush		Cái	1	20.500.777.510	20.500.777.510	
105	50396060	bearing shell		Cái	1	20.500.811.110	20.500.811.110	
106	50401007	thrust bearing		Cái	2	20.500.810.810	20.500.810.810	
107	34427092	displacement pickup		Cái	1	BTL7-E100-M0175-B-KA05	20401123210	
108	29070001	position transm. -		Cái	1	BTL2-P-1013-4R BALLUFF	TCR42208270	
109	51904017	way valve		Cái	1	4/3 WSR C12002, VEHS BOX-Q	20502297110	
110	33422058	pressure switch		Cái	1	einstellen <1,5 bar; >2,2 bar	20501044510	
111	33422059	pressure switch		Cái	1	einstellen <0,8 bar; >1,7 bar	20501044610	
112	33422061	pressure switch		Cái	1	einstellen >0,8 bar	20501044710	
113	34503060	resist. thermometer		Cái	9	2XPT100 FABR.JUMO	TCR42215150	
114	34503060	resist. thermometer		Cái	5	2XPT100 FABR.JUMO	TCR42215150	

**Phụ lục 2: PVCV VÀ TIÊU CHUẨN CHUYÊN GIA PHỤC VỤ CÔNG TÁC THẢO LẬP KHỚP NỔ THỦY LỰC CỦA BƠM CẤP ĐIỆN TỔ MÁY 01-NMND VA1  
TỔ MÁY 1 NĂM 2026**

<b>1 Phạm vi công việc</b>	Số lượng: 01 chuyên gia (bao gồm Tools chuyên dùng phục vụ tháo lắp khớp nổ thủy lực)
	Thời gian huy động: 15 ngày
	Chịu trách nhiệm chính trong việc đại tu khớp nổ thủy lực của bơm cấp điện tổ máy 01-NMND VA1
	Hướng dẫn giám sát công tác tháo, lắp đặt, thay thế các chi tiết của khớp nổ thủy lực
	Đo đạc kiểm tra các chi tiết của khớp nổ thủy lực và đưa ra các khuyến cáo/ biện pháp sửa chữa/ thay thế
	Căn chỉnh khớp nổ thủy lực với các thông số kỹ thuật theo khuyến cáo của nhà chế tạo
	Kiểm tra đánh giá tình trạng, xử lý các bất thường của khớp nổ thủy lực
	Thực hiện nghiệm thu lắp đặt sau khi hoàn chỉnh khớp nổ thủy lực, chạy thử theo yêu cầu của chủ đầu tư
	Báo cáo công việc theo ngày và có báo cáo cuối cùng đưa ra khuyến cáo/ đánh giá sau khi hoàn thành lắp đặt/ hoặc chạy thử nghiệm khớp nổ thủy lực
<b>2 Năng lực chuyên gia</b>	Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm về sửa chữa khớp nổ thủy lực của Hãng Voith (cung cấp hồ sơ/giấy tờ chứng minh);
	Có chứng chỉ kiểm tra, đánh giá khớp nổ thủy lực của Hãng Voith hoặc Hãng tương đương;
	Đối với chuyên gia của hãng Voith: Đã chủ trì thực hiện đại tu khớp nổ thủy lực (ít nhất 02 công trình đại tu khớp nổ thủy lực) có cùng kiểu loại, công suất $\geq$ công suất khớp nổ thủy lực của bơm cấp điện NMND Vũng Áng 1, được chủ đầu tư đánh giá là đạt chất lượng, tiến độ yêu cầu;
	Đối với chuyên gia có chứng chỉ của hãng Voith hoặc chuyên gia của Nhà sản xuất tương đương: Đã chủ trì thực hiện đại tu khớp nổ thủy lực (ít nhất 03 công trình đại tu khớp nổ thủy lực) có cùng kiểu loại, công suất $\geq$ công suất khớp nổ thủy lực của bơm cấp điện của NMND Vũng Áng 1, được chủ đầu tư đánh giá là đạt chất lượng, tiến độ yêu cầu.
	Trình độ chuyên môn:
	Có bằng cấp kỹ sư trở lên hoặc bằng cấp tương đương;
	Nhân sự có khả năng chuyên giao kiến thức đầy đủ về vận hành bảo dưỡng bơm cấp và khớp nổ thủy lực cho nhân viên tại PV Power. Ngôn ngữ thực hiện phạm vi công việc bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt. Trường hợp Bên B sử dụng ngôn ngữ khác thì phải bố trí cán bộ thông dịch của Bên B thực hiện.

**Phụ lục 3: PHẠM VI CÔNG VIỆC TRUNG TU HỆ THỐNG KHỚP NỐI THỦY LỰC**

Số và ký hiệu: 904/QĐ-TSC  
Ngày ban hành: 22/12/2025

TT	Hệ thống	Số lượng thiết bị thực hiện	KKS	PHẠM VI CÔNG VIỆC	Ghi chú
	Hệ thống khớp nối thủy lực	1	10LAC33AP001		
				Kiểm tra các thông số của khớp nối thủy lực trước khi sửa chữa	
				Tháo, lắp các thiết bị C&I ra khỏi khớp nối thủy lực	
				Xả dầu cũ và nạp dầu mới cho khớp nối thủy lực. Vệ sinh bồn dầu	
				Tháo, lắp bán khớp lắp trên trục đầu vào và trục thứ cấp của khớp nối thủy lực	
				Tháo, lắp cụm van tuần hoàn và ống điều chỉnh dầu (Scoop tube)	
				Tháo vỏ trên của khớp nối thủy lực	
				Tháo, lắp hệ thống ống dầu liên quan trong khớp nối thủy lực	
				Tháo trục đầu vào của khớp nối thủy lực	
				Tháo, kiểm tra cụm buồng công tác của khớp nối thủy lực	
				Tháo, kiểm tra cụm bơm dầu phụ của khớp nối thủy lực	
				Tháo, kiểm tra cụm bơm dầu chính của khớp nối thủy lực	
				Vệ sinh các chi tiết của khớp nối thủy lực sau khi tháo	
				Kiểm tra, đo đạc đánh giá các chi tiết của khớp nối thủy lực sau khi tháo ra và đã được vệ sinh sạch sẽ. Lập biên bản xác định tình trạng của các chi tiết, đề xuất phương án sửa chữa phục hồi nếu cần thiết. Lập danh sách vật tư, thiết bị cần phải thay thế trình chủ đầu tư.	
				Thay thế các chi tiết hư hỏng, căn chỉnh và lắp hoàn thiện bơm dầu phụ của khớp nối thủy lực.	
				Thay thế các chi tiết hư hỏng, căn chỉnh và lắp hoàn thiện bơm dầu chính của khớp nối thủy lực.	
				Thay thế các chi tiết hư hỏng, căn chỉnh và lắp hoàn thiện cụm chi tiết buồng công tác của khớp nối thủy lực.	
				Thay thế các chi tiết hư hỏng, căn chỉnh và lắp hoàn thiện cụm chi tiết trục đầu vào của khớp nối thủy lực.	
				Căn chỉnh, lắp hoàn thiện các gối và kiểm tra, căn chỉnh các thông số cho khớp nối thủy lực.	
				Căn chỉnh, lắp vỏ trên cho khớp nối thủy lực, xiết các bu lông gối, mặt bích vỏ theo thông số của nhà sản xuất.	
				Thí nghiệm, hiệu chỉnh các khớp nối thủy lực bơm cấp	
				Nghiệm thu lắp đặt, chạy thử tổng hợp. Lập báo cáo	

*Handwritten signature*